

SÁNG TẠO

THÁNG TÁM - 1957

KHẢO LUẬN

DOÃN QUỐC SỸ . . . NỀN ĐẠI HỌC VĂN KHOA VIỆT NAM
TRẦN THANH HIỆP . . . NGUỒN RUNG CẢM TRONG VĂN
NGHỆ ẨN ĐỘ

NGUYỄN SA . . . TRIẾT HỌC CỦA KANT
VŨ KHẮC KHOAN . . . MỘT KHÍA CẠNH TÂM SỰ CỦA
ÔN NHƯ HẦU

THÁI TUẤN . . . NHẬN XÉT VỀ HỘI HỌA TRỪU TƯỢNG
SÁNG TÁC

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG . . . CHUYẾN XE LÔ
T.T. TUYỀN - KIÊM MINH . . . ĐOÀN VĂN
LÝ HOÀNG PHONG . . . NGOÀI HÀNG DẬU

Thơ tự do của

THANH TÂM TUYỀN - TRẦN THANH HIỆP
TÔ THÙY YÊN - DUY THANH - CUNG TRẦM TỬNG

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN ĐĂNG: XƯỚNG KỊCH CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU KỊCH -
QUAN SƠN: THÊM MỘT Ý KIẾN VỀ CUỐN VĂN HỌC VN THỜI LÝ của
LÊ VĂN SIÊU - TRƯỜNG GIANG: KHAI MẠC XƯỚNG HỌA TỬ DUYÊN
- TRIỂN LÃM TRANH THUỐC VÀ BỘT MÀU của WAINRIGHT - HẦU
ANH: CON BỌ HUNG VÀNG truyện của EDGAR POE - NGHỆ THUẬT
NHIẾP ẢNH NGUYỄN MẠNH DÂN

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ : 133B KÝ CON - SAIGON

SỐ 11

GIÁ : 6\$00

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 11
tháng tám - 1957

**trần thanh hiệp - thanh tâm
tuyền - vũ khắc khoan - thái
tuấn - người sông thương -
nguyên sa - lý hoàng phong -
doãn quốc sỹ - cung trầm tưởng
- duy thanh - tô thù yên**

sáng tạo số 11

tháng 8 - 1957

bìa: *Tạp chí Sáng Tạo*
trình bày: *Muôn Phương*
nguồn: *Internet*

tạp chí văn nghệ
Sáng Tạo
số 11
tháng 8 - 1957

NỘI DUNG SỔ NÀY

	Trang
NỀN ĐẠI HỌC VĂN KHOA V.N	9
ĐOÃN QUỐC SỸ	
TRIẾT HỌC CỦA KANT	35
NGUYỄN SA	
CHUYẾN XE LÔ	51
NGƯỜI SÔNG THƯƠNG	
MỘT KHÍA CẠNH TÂM SỰ CỦA ÔN NHƯ HẦU	75
VŨ KHẮC KHOAN	
MỘT CHỖ TRÊN Ô TÔ BUÝT	89
THANH TÂM TUYỀN	
BÀI THƯ TÌNH SỐ 13	91
DUY THANH	
TÔI CÒN YÊU, CÒN YÊU, TÔI CÒN YÊU	95
CUNG TRẦM TỬNG	
NGOÀI HÀNG DẬU	99
LÝ HOÀNG PHONG	
NHẬN XÉT VỀ HỘI HỌA TRỪU TƯỢNG	121
THÁI TUẤN	
TẠI SAO KHÔNG? TÔI...	133
TÔ THÙY YÊN	
CẢM XÚC	137
TRẦN THANH HIỆP	
SỜN MAI	139
THANH TÂM TUYỀN	
CON THUYỀN GIẤY	146
KIÊM MINH	
NGUỒN RUNG CẢM TRONG VĂN NGHỆ ẤN ĐỘ	151
TRẦN THANH HIỆP	

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

NGUYỄN ĐĂNG: XƯỚNG KỊCH CỦA NHỮNG NGƯỜI YÊU KỊCH (trang 161) - **QUAN SƠN:** THÊM MỘT Ý KIẾN VỀ CUỐN VĂN HỌC VN THỜI LÝ của LÊ VĂN SIÊU (trang 163) - **TRƯỜNG GIANG:** KHAI MẠC XƯỚNG HỌA TÚ DUYÊN (trang 166) - TRIỂN LÃM TRANH THUỐC VÀ BỘT MÀU của WAINRIGHT (trang 167) - **HẦU ANH:** CON BỘ HUNG VÀNG truyện của EDGAR POE - **NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH** NGUYỄN MẠNH DÂN (trang 171)

o O o

**SÁNG TẠO ĐÓNG THÀNH TẬP
ĐÃ PHÁT HÀNH**

In trên bìa cứng, trình bày mỹ thuật, dày 400 trang. Giá đặc biệt: 30\$. Tập chí văn nghệ SÁNG TẠO đóng thành tập (từ số 1 đến số 6) đã phát hành toàn quốc. Các bạn chưa mua từ số đầu hoặc chưa có đủ bộ nên tìm mua ngay ở các hiệu sách vì số in chỉ có hạn.

o O o

Thư từ và bài vở gửi cho: MAI THẢO
Tiền bạc và ngân phiếu cho: ĐẶNG LÊ KIM

TÒA SOẠN – TRỊ SỰ:
133B, Ký Con – SAIGON

SÁNG TẠO

Tạp chí văn nghệ xuất bản hàng tháng

MỘT VÀI Ý KIẾN XÂY DỰNG NỀN QUỐC HỌC...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN KHOA VIỆT NAM

DOÃN QUỐC SỸ

gười ta thường nói: “Đại học Văn Khoa” là bông hoa của Đại học. Ở bất cứ nước nào Đại học văn khoa vẫn là nơi trung tâm phát huy tư tưởng của nước đó. Phạm vi hoạt động của một quốc gia càng rộng, các ngành chuyên môn càng nhiều, như bánh xe càng lớn càng cần nhiều nan hoa để chống đỡ. Nhưng

10 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

bánh xe lớn, nan hoa nhiều mà trục xe không vững thì vành bánh cong queo có thể xẹp gãy bất cứ lúc nào, rút cục xe này cũng không hơn gì xe bánh vuông. Đại học văn khoa là cái trục của bánh xe tư tưởng vậy!

Ở nước ta ngày nay ngoài các ngành y dược có từ thời thực dân, còn biết bao ngành chuyên môn khác đã chớm nở hoặc đương đà phát triển; tất cả những ngành chuyên môn đó dù muốn hay không muốn vẫn phải luôn luôn hướng về trung tâm tư tưởng của dân tộc là Đại học Văn Khoa như cành cây, hoa, lá phụ thuộc về gốc, như những nan hoa của vành xe hướng về trục, như những con tàu xưa ngoài khơi không bao giờ dám quên sao Bắc đẩu để giữ vững hướng đi. Các ngành chuyên môn trong nước càng phát triển, trách vụ của Đại học Văn khoa cũng nặng nề.

XÉT QUA LỊCH SỬ ĐẠI HỌC VĂN KHOA VIỆT NAM

Năm 1945 sau cách mạng tháng tám dân Việt

dành được chính quyền bèn cho mở ngay Đại học văn khoa dạy ở đại giảng đường Đại học thu hút ngay được chừng ba hay bốn trăm sinh viên. Các giảng viên có: Đặng Thái Mai, Phan Anh, Nguyễn Thiệu Lâu, Xuân Diệu.... Chiến tranh bùng nổ, trường Đại học văn khoa đầu tiên đó cũng ngưng hoạt động.

Năm 1949 ông Phan Huy Quát — hồi đó đương giữ chức Bộ trưởng bộ Quốc gia giáo dục — lại cho mở Đại học Văn khoa Việt Nam. Thoạt tiên người Pháp chỉ nhường cho hai buồng ở Đại học... sau được bốn buồng (1). Ý ông Phan muốn tỏ cho người ngoại quốc biết là nước Việt Nam độc lập, văn hóa Việt Nam phải được vun giống. Để chặn mọi âm mưu tiêu hủy, ông Phan chính thức hóa Đại học Văn khoa của ta bằng cách tặng bằng Tiến sĩ danh dự Văn khoa (Docteur Honoris Caosa) cho ông Jeasup, đặc sứ Mỹ.

(1) Những buồng này, sau ngày 9.3-1948 đã được người Nhật dùng làm chuồng ngựa cho quân đội, vì vậy một số người Pháp đỗ bằng Văn Khoa tại chuồng ngựa.

Từ khi ông Phan thôi chức bộ trưởng, Đại học Văn khoa bị bỏ cho sống lay sống lắt. Tôi có cảm tưởng trường tồn tại được trong khoảng thời gian này là nhờ ý chí và lòng thiết tha với nền văn hóa dân tộc của mấy vị giáo sư chứ không phải nhờ chính quyền. Kể lại sự kiện này ra đây không phải tôi muốn trách những kẻ trước đây đã không tin và không bồi đắp cho nền quốc học — mà tinh hoa là Đại học Văn Khoa — là vong bản, sự thực tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng ý chí tồn tại của dân tộc bất diệt; trong cuộc chiến đấu trường kỳ và đau thương vừa qua một cá nhân kẻ nắm chính quyền có nghĩa lý gì với guồng tiến menh mông, rộng lớn của lịch sử dân tộc?

Cho đến khi người Pháp hoàn toàn hết quyền ở đây, trường Đại học Văn khoa bắt đầu được nâng đỡ nhưng vì giấy tờ chậm trễ, hành chính nặng nề mãi tới niên học 1956-1957 hồn mới được nhập vào xác, Đại học Văn khoa mới được nhập vào... Đại học viện, và phải đại mang niên khóa tới — 1957-1958 — Bộ Quốc Gia Giáo Dục mới quyết định tổ chức xong cử nhân giáo khoa về văn chương Việt.

Vì sao vậy?

– Vì sợ thiếu sinh viên chẳng? – Vì cho rằng kinh tế nước nhà còn lạc hậu cần mở mang kinh tế trước chẳng? Như vậy là sa vào lý thuyết thiển cận “kinh tế quyết định hết thảy” của cộng sản rồi còn gì! Sự thực nền kinh tế của nước ta là nền kinh tế nông nghiệp, thuở xưa tỉnh Hưng Yên đã từng trải 24 năm lụt liền nhà làng nào cũng vẫn có năm, sáu ông đồ tiếp tục công việc dạy học. Tinh thần hiếu học đó cho tới nay có bao giờ kém sôi nổi bùng nổ?

– Hay vì cho rằng kho tàng văn học nước ta còm cõi lắm chẳng có gì đáng học? – Lầm biết mấy! Nhìn về dĩ vãng nền văn minh của dân tộc đã sớm thực sự đạt tới tối cao độ từ thế kỷ thứ mười một, tương ứng với thời trung cổ Tây phương, thời mà phần lớn các nước nơi này còn ở một trình độ văn hóa thô sơ lắm. Hãy khơi sâu vào nền văn học thời Lý, tư tưởng đạt đạo của một Vạn Hạnh thiền sư, của một Mãn Giác thiền sư có thể làm lệch cán cân của mấy thế kỷ

tư tưởng Tây phương gộp lại. Nói thế không phải để kiêu hãnh với Tây phương — người đời đã lầm lạc nhiều vì kiêu hãnh, và Đông, Tây mỗi bên có một sở trường riêng — tôi nói vậy chỉ có ý muốn nhấn mạnh rằng: hiện giờ chúng ta còn lẫn lộn trong ngu dân vụng dại là do kết quả tại hại của tám mươi năm nô lệ. Chẳng qua vì thực dân kìm hãm trí thức nên chúng ta mới lâm vào hoàn cảnh “hồ phụ sinh cầu tử” như ngày nay.

Nhưng thôi, khóc than hay oán trách dĩ vãng cũng chẳng sửa đổi được gì, điều cần là phải rút ở đây những bài học lịch sử mà xây dựng tương lai. Chỉ nên hiểu rằng ngày nay chúng ta đã có một trường Đại học Văn Khoa, trường đó kể từ năm ngoài đã được gia nhập Đại học viện và kể từ năm sắp tới sẽ có đủ chứng chỉ cho văn bằng cử nhân giáo khoa văn chương Việt, cử nhân giáo khoa Triết học. Tôi chỉ kể lại bằng cử nhân giáo khoa này mà không kể những bằng văn chương Anh, văn chương. Pháp đã có, vì tôi nghĩ nếu Đại học Văn khoa là linh hồn của Đại học thì cử nhân văn chương Việt và cử nhân Triết học là linh hồn của

linh hồn đó. Nuôi dưỡng cho linh hồn đá phong phú, trau chuốt cho linh hồn đó sắc bản là nhiệm vụ của mọi “kẻ sĩ của thời đại”. Việc dựng nước giữ nước, duy trì và phát triển văn hóa là việc của cả dân tộc.

NHẬN XÉT CHUNG VỀ ĐẠI HỌC VĂN KHOA HIỆN NAY

Đến ngành văn chương Anh, văn chương Pháp tương đối tạm đủ tài liệu vì tài liệu sẵn có nhà trường chỉ việc xuất tiền ra mua. Nhưng bên văn chương Việt và Triết thì hầu như các giáo sư buộc lòng phải đi từ con số không.

Về văn chương: ngoài một số tác phẩm giáo khoa dùng ở Trung học, một số tác phẩm khác của các tác giả cận kim, các tác giả hiện đại vẫn còn ngổn ngang đó chưa được các học giả nước nhà khai thác, xếp đặt, hệ thống hóa cho thành tài liệu xứng đáng với đại học. Ấy là chưa kể còn biết bao tài liệu cổ văn bằng chữ Hán chưa sưu tầm được hết, chưa phiên dịch được hết.

Về triết học thì bên Triết Đông phương ngoài một số tài liệu cũ như các cuốn: Nho giáo, Lão-tử, Mặc Tử... còn thêm mấy cuốn mới có tính cách tổng hợp cầu giáo sư Nguyễn Đăng Thục, tuy nhiên chúng ta phải nhận rằng ở Đại học mà tài liệu có vậy thực quá ít ỏi, làm sao mà sinh viên mở mang được tầm tri thức? Nhìn sang bên Triết Tây, tài liệu bằng tiếng Việt hoàn toàn không có, các giáo sư hoàn toàn bị hút hết thì giờ vào việc giảng dạy những vấn đề căn bản thường — mà cũng không đủ — không còn thì giờ đào sâu về riêng một triết gia hay một hệ thống triết học nào. Chúng ta làm cách nào bây giờ để thoát khỏi tình trạng bế tắc đó, để khơi đường thông cho tư tưởng sinh viên thoát khỏi ao tù mà gặp biển cả?

CÔNG CUỘC XÂY DỰNG

ĐẠI HỌC VĂN KHOA

Ở văn khoa cũng như ở mọi ngành đại học vấn đề căn bản cho sự học của sinh viên là tài liệu. Giáo sư thiếu, tài liệu có dư thì sinh viên vẫn có thể tiếp tục công việc khảo cứu của mình. Vấn đề

tài liệu của Văn khoa — ở hai ngành văn chương Việt và Triết — hiện bắt đầu từ con số không, thì việc xây dựng tưởng phải theo phương pháp là xét xem những việc nào phải làm tức khắc, những việc nào làm lâu dài. Chúng tôi xin mạo muội đề nghị một vài ý kiến như sau:

Công việc cấp tốc: Điều tối cần yếu là Đại học Văn khoa cần có tập kỷ yếu xuất bản hằng tháng. Tập kỷ yếu này sẽ gồm có những bài giảng hay những bài luận thuyết của các giáo sư về các môn mà các vị phụ trách. (Mấy niên học qua vẫn có một số tài liệu phải quay ronéo hay đánh máy để phát cho sinh viên, xét ra vừa đắt hơn tập kỷ yếu in, vừa có vẻ “thủ công nghiệp”). Ngoài một số giáo sư hiện đương chính thức phụ trách, cụ Khoa trưởng có thể mời các nhà khảo cứu văn học, triết học đến diễn thuyết (Trong niên khóa vừa qua trường Cao Đẳng Sư Phạm có tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết trong đó có một tháng liền nói về Kiều. Thực là hay! Nhưng số người nghe hỏi được là bao? Giá tất cả những bài diễn thuyết đó cho gồm in thành một tập kỷ yếu thì

công cuộc phổ biến sẽ được rộng rãi và lâu dài biết mấy). Có điều gì thắc mắc sinh viên đặt câu hỏi với ngay diễn giả. Tất cả những bài diễn thuyết với những điều thắc mắc đã được giải quyết bởi chính diễn giả hay theo ý kiến của giáo sư đều được đăng lên tập kỷ yếu để làm tài liệu học tập và nghiên cứu lâu dài cho các sinh viên. Chúng ta chưa có các giáo sư thạc sĩ nhưng theo phương pháp bổ túc mời các nhà khảo cứu văn học đến diễn thuyết tại giảng đường như trên có khác nào mỗi người đem lại một bó đuốc? Tích tiểu thành đại trăm ngàn bó đuốc hợp lại sẽ thành một vùng ánh sáng vừa đẹp, vừa phong phú thừa đủ để dẫn dắt sinh viên và gián tiếp giúp vào việc đào tạo những tiến sĩ văn khoa xứng đáng sau này. Họ sẽ chia nhau nghiên cứu sâu về từng tác giả Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương... về từng ngành triết học Tây phương, Trung Hoa, Ấn Độ... về từng triết gia Không Tử, Lão Tử, Trang Tử... để tiếp tay cho các giáo sư hiện giờ đỡ cảnh vất vả quán xuyến (Vì các giáo sư đại học nước ngoài không bị hút vào công việc quán xuyến nên có thì giờ nghiên

cứu kỹ từng tác giả, từng triết gia. Ông Ferdinand Aiquié, hiện giáo sư đại học Sorbonne, cứ mỗi tuần vào chiều thứ năm, từ 5 giờ đến 6 giờ đến đại giảng đường Descartes giảng về Descartes. Bài giảng được trực tiếp truyền thanh lại có thư ký ghi chép. Những bài giảng đó được giáo sư sắp đặt, sửa chữa lại chút ít rồi cho in thành sách. Cứ như vậy mỗi năm giáo sư đào sâu về một khía cạnh của Descartes. Vì vậy chương trình Đại học cứ hai năm thay đổi một lần, và bài giảng không hề bao giờ trùng nhau.

Giáo sư của chương Nevill Coghill ở Oxford có nói trong một năm ông chỉ dạy có sáu tháng, sáu tháng nghỉ ông dùng để làm những công việc soạn bài vở. Việc theo dõi các sách vở báo chí về khoa ông dạy là công việc thường xuyên nếu không thì như lời ông nói – rất dễ trở nên một thầy giáo già với những ý tưởng cũ kỹ và tầm thường buồn tẻ như những đĩa hát đã không hợp thời nữa rồi).

Cụ Khoa trưởng có thể điều đình để Đài phát

20 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

thanh quốc gia thường xuyên nhường cho trường một giờ nào đó về buổi sáng sớm hay buổi tối. Những bài giảng chính yếu của các học giả đều được thu thanh để tới giờ đó phổ biến cho toàn quốc. Giảng đường trường Đại Học Văn Khoa không thể chỉ thu trong bốn bức tường mà thôi.

Vẫn ở phần công việc cấp tốc, riêng về bên Triết Tây cần giải quyết tài liệu cho các sinh viên. Trong khi chờ đợi các tác phẩm tham khảo của các giáo sư, thiết tưởng chúng ta có thể cho dịch và in ngay một số sách Pháp đại loại như:

Traité de Logique của Edmont Goblet

Traité de Morale Générale của René Le Senne

Traité de Métaphysique của Jean Wahl

Traité de Sociologie của George Gurvitch.

vân vân...

Các sách trên đây mỗi quyển dày từ năm trăm đến một ngàn trang, Đó là những tài liệu

tối thiểu và cần thiết cho sự học hỏi của sinh viên, nếu chúng ta muốn trình độ trí thức của sinh viên nước nhà khi ra khỏi Đại Học Đường không hổ với sinh viên ngoại quốc. Việc dịch đó có thể giao cho một số sinh viên, chỉ cần trường Đại Học Văn Khoa đỡ đầu, và đảm nhiệm việc ấn loát. Loại sách này sẽ mở đầu cho TỦ SÁCH VĂN KHOA là một công trình nghiên cứu dịch thuật lâu dài.

Phần công việc lâu dài – Phiên dịch trọn bộ tứ thư ngũ kinh (quyển nào đã dịch rồi thì sưu tầm và cho tái bản), phiên dịch các sách về đạo Lão, đạo Phật, về Yoga, cùng những tác phẩm của các triết gia lớn Tây phương từ Thượng cổ đến Cận kim. Về văn học ngoài việc sưu tầm, nghiên cứu toàn bộ nền cổ học nước nhà, chúng ta lần lượt cho dịch các tác phẩm danh tiếng của các văn hào thế giới thời cổ điển, cận kim cũng như hiện đại (tại nước Nhật, người ta không những đã dịch hết những tác phẩm cổ điển của các nước, mà hiện nay hễ trên văn đàn thế giới xuất hiện một tác phẩm giá trị nào đều họ dịch ngay sang

tiếng Nhật để mở rộng kiến văn cho sinh viên nói riêng, cho dân chúng nói chung).

Việc thực hiện chương trình trên – Công việc tuy nặng nề nhưng không phải là không thể thực hiện được miễn phải bắt tay vào việc ngay.

Công việc đó nếu không là nhiệm vụ của toàn dân thì ít nhất cũng là nhiệm vụ của mọi phần tử ưu tú trong nước và khi công việc tiến hành phải được chính quyền tích cực nâng đỡ.

SƯU TẦM TÀI LIỆU

Rất nhiều tài liệu cổ học của ta hiện có ở thư viện bên Pháp. Việc chụp và in những tài liệu đó không được chính quyền giúp đỡ làm sao nổi? Và các tài liệu rải rác trong nước thì hoặc Quốc hội quyết định, hoặc Tổng Thống cho một đạo dụ để các tư gia nào còn giữ được những tài liệu cổ thì cho Đại Học Văn Khoa biết. Đại Học Văn Khoa sẽ cử người tới chụp và cho in ra nhiều bản để vừa phổ biến và vừa giữ lâu dài về sau. Việc sưu tầm tỉ mỉ và công phu này là những việc mà

các đảng minh quân đời Trần, đời Lê đã từng làm cho thư khố quốc gia.

IN VÀ PHỔ BIẾN TÀI LIỆU

Căn cứ vào kinh nghiệm hiện tại, một cuốn sách ở trình độ cao cho in ra thì tỉ lệ số người mua không bằng 1/1000 số người đã đọc thông viết thạo. Bởi vậy việc dịch những tài liệu ngoại quốc, việc thu thập khảo cứu để phổ biến những tài liệu cổ học trong nước không phải chúng ta thiếu người làm mà là không dám làm vì trông thấy trước kết quả thu hoạch để “nuôi” người làm việc đó không được là bao. Để bổ khuyết điều này, Đại học Văn khoa sẽ mật thiết liên lạc với chính quyền để được sự nâng đỡ thiết thực và chính đáng. Trên đây tôi có nói đến TỦ SÁCH VĂN KHOA, ý muốn nói những sách do Đại Học Văn Khoa nhận thấy bổ ích và cần thiết nên đứng lên đỡ đầu và cho xuất bản hoặc tái bản. Những sách đó đều là những sách chính yếu cho thư viện quốc gia. Chúng tôi đề nghị: ngay là bây giờ chính phủ cho tổ chức tại mỗi tỉnh một thư

viện, Rồi cứ mỗi cuốn sách do Đại học văn khoa xuất bản chính phủ có thể mua giúp cho 1.000 cuốn; Cộng thêm với số sách bán ngoài, Đại học Văn khoa có thể đủ tiền tiếp tục in cuốn sau và trả tiền thù lao cho tác giả hoặc dịch giả: Cứ như vậy chỉ cần hai năm sau là chúng ta đã tương đối có đủ số sách cần thiết để nghiên cứu học hỏi và chỉ mười năm sau thư viện Quốc gia của ta cũng đầy đủ sách vở văn chương, triết học bằng tiếng mẹ đẻ như thư viện quốc gia Nhật ngày nay.

Việc chính quyền phối hợp giúp đỡ. Đại Học Văn khoa như vậy có hai điều lợi chính yếu.

Thứ nhất: Chấn hưng được công cuộc sáng tác, khảo cứu, dịch thuật, khiến các tác giả, dịch giả yên tâm và việc thu hoạch lợi tức mà hết lòng tiếp tục công việc.

Thứ hai: Giải quyết ngay được vấn đề chính yếu là vấn đề tài liệu để thỏa mãn lòng hiếu học của sinh viên nói riêng và toàn thể dân tộc nói chung.

Hiện nay nhìn vào các ngành Đại học nước nhà và đặc biệt ngành Đại học Văn Khoa chúng ta thấy phần lớn các sinh viên đều hoặc là giáo sư ở các trường công, tư, hoặc là công chức ở mọi ngành.

Có giáo sư đã hai thứ tóc trên đầu, có chị bụng mang dạ chứa vẫn hàng ngày đến trường đều để ghi chép bài giảng (Tinh thần hiếu học của người Việt đã khiến người ngoại quốc phải khâm phục ra sao, xin xem “HÃY XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TÚY» - Sáng Tạo số 4, tháng giêng 1957). Tinh thần hiếu học của người mình có dư, nhưng thời gian học hỏi của kiếp người có hạn, đại học không phát triển, sinh viên Đại học mà non kém thì còn mong gì nâng cao trình độ văn hóa cho toàn quốc? Tiền đồ tổ quốc ra sao, danh dự tổ quốc ra sao? (Niên khóa 1956-1957 cụ Khoa trưởng Đại học Văn khoa Trương Công Cửu có đề nghị mở Cao học để các sinh viên đã tốt nghiệp cử nhân có thể tiếp tục việc học. Sau đó cụ Khoa trưởng nhận được công văn hỏi: nếu sinh viên tốt nghiệp xong của học thì chỉ

số lương là bao nhiêu. (Kể cũng nực cười, một người muốn khen: “anh đẹp như hoa”, một người muốn khen: “anh đẹp bằng chỉ số lương!” Tôi tin rằng vì trách nhiệm hành chính nên người thứ hai mới viết công văn hỏi vậy chứ không phải vì muốn đánh giá mảnh bằng cao học bằng... chỉ số).

Ngoài những người được may mắn ở ngay Sài Gòn còn biết bao người làm việc lại các tỉnh nhỏ muốn tiếp tục việc học mà không có phương tiện (Vì vậy trên đây tôi mới đề nghị các bài giảng chính và các bài trần thuyết của Đại Học nên được phát thanh vào buổi thật sớm, hoặc buổi tối tức là vào những giờ thuận tiện cho tất cả mọi người).

Tình trạng của sinh viên ngày nay thêm khát tài liệu để học hỏi như cát khô thêm nước. Nếu sách vở trong nước được sưu tầm, sách vở ngoại quốc được tuần tự phiên dịch và phổ biến (dù sinh viên ta đọc thạo tiếng ngoại quốc, tất cả những tác phẩm đó vẫn phải dịch sang tiếng

Việt. Có như vậy tư tưởng bốn phương mới được phổ biến cả bề sâu lẫn bề rộng để mở rộng kiến văn cho mọi tầng lớp). Nếu hàng tháng tập kỷ yếu Văn khoa ra đều để cung cấp tài liệu học tập sốt dẻo cho sinh viên, nếu các bài giảng chính yếu được thu thanh rồi cho truyền thanh vào giờ thuận tiện, nhất định trong không khí tung bừng của học hỏi đó các giáo sư càng có dịp khơi sâu tư tưởng, tiếp tục đề cập mọi khía cạnh nghiên cứu và những bài giảng của các vị cùng là những tài liệu quý giá không riêng cho sinh viên trong niên khóa mà còn là những tảng đá vững lớn dựng xây cho lâu đài quốc học ngày một nguy nga. Cứ đà như vậy Đại học văn khoa như nguồn nước nhỏ góp nước các mạch thành suối, góp suối thành sông tiến ra gặp biển và không còn cảnh các sinh viên chờ được rót tri thức vào óc như ấm trà chuyên từ chén lớn xuống chén nhỏ. Được vẫy vùng trong biển tài liệu phong phú, cá tính của sinh viên có đủ điều kiện để nảy nở. Như vậy, dù có ngồi trên chõng tre học dưới túp lều, giá trị tri thức cũng không hề sút giảm.

Trước khi kết luận chúng tôi xin thâu tóm như sau:

Sở dĩ nền Đại học ngày nay ngưng đọng, sở dĩ chúng ta ngày nay nặng tự ti mặc cảm, vì suốt trong tám chục năm nô lệ qua thực dân đã nham hiểm cắt đứt những vi ti huyết quản tinh thần vẫn nối liền chúng ta với truyền thống ngàn xưa. Ngày này ý thức được điều đó, chúng ta hãy gấp tự phát triển rễ cái rễ con tinh thần mà ăn sâu, mà bám rộng lấy mảnh đất truyền thống cho cây văn hóa đứng vững. Cây có đứng vững mới tiếp tục đón hương gió bốn phương mà chờ ngày sinh hoa kết trái.

Đại học văn khoa được chính quyền đi sát nâng đỡ sẽ sưu tầm, khai thác tài liệu cổ học của ta, phiên dịch và phổ biến dần tài liệu cổ học thế giới, rồi đến các tác phẩm, các tài liệu cận kim và hiện đại, để không những theo kịp mà còn luôn luôn góp phần vào mọi tiến hóa của tư tưởng nhân loại.

Sách in được sẽ lập thành thư viện ở khắp các tỉnh. Các bài giảng chính, các bài trần thuyết được truyền thanh lại vào những giờ thuận tiện. Giảng đường Đại học văn khoa gồm toàn quốc, sinh viên Đại học Văn khoa là tất cả những ai có chí học hỏi. Văn bằng cử nhân, văn bằng cao học cấp phát hàng năm sẽ không hàng chục mà hàng ngàn. Với sự hoạt động của các “cán bộ văn hóa” tốt nghiệp đó, trình độ văn hóa của toàn dân, bộ mặt văn hóa của dân tộc sẽ tiến bộ, đổi mới và phong quang gấp bội!

Trong khi bánh xe tư tưởng nhân loại tiến, lẽ nào tư tưởng Việt Nam cam chịu là một vành bánh nhỏ và rỉ lắp bám vào bên những bánh xe lực lưỡng khác?

Rút kinh nghiệm tám mươi năm Pháp thuộc vừa qua, chúng ta càng thấy việc phát triển văn hóa dân tộc là khẩn cấp và chính yếu để chuẩn bị chống chọi với bất cứ cơn phong ba nào khác trong tương lai.

Chúng tôi vẫn nghĩ rằng: Cách giữ nước hiệu nghiệm là phải phát triển ngay khu rừng văn hóa. Quân địch không thể dẫm lên khu rừng này mà chiếm được đất. Quân địch càng không thể san phẳng khu rừng vì nó bắt rễ tự trong tim óc của con người, chặt đi lập tức với cảnh máu đào xương trắng nó lại mọc lên xanh tốt hơn bao giờ hết. Một sự kiện lịch sử xa xưa để chứng minh: Từ thế kỷ thứ hai trước Thiên chúa đến đầu thế kỷ thứ ba sau Thiên chúa là khoảng thời gian cực kỳ phồn thịnh của đế quốc La Mã mà lãnh thổ bành trướng gồm cả miền Địa Trung Hải, dân số từ 60 đến 80 triệu người, nhưng văn hóa thống trị La Mã vì kém tinh tế, kém sắc bên nên rất cuộc vẫn bị hút vào văn hóa bị trị Hy Lạp.

Một sự kiện lịch sử khác về kinh nghiệm bản thân của dân tộc nhà: cương quyết như Mã Viện, tàn bạo như quân Nguyên, nham hiểm như Trương Phụ đã làm gì nổi chúng ta? (Trước đây trong thời thực dân, gần đây trong thời độc lập già hiệu với những tên cầm quyền tay sai của thực dân, thường xuyên chúng là được chứng kiến

một sự kiện mĩ mai là: dân chúng vẫn chìm đắm trong cùng khổ, mọi hoạt động văn hóa ngừng trệ, nhưng hễ một tên nào tham dự chính quyền là có đồn điền có nhà nghỉ mát ở ngoại quốc, có hàng triệu triệu bạc kinh doanh ở các nhà băng ngoại quốc. Thật là mĩ mai đau đớn cho người dân Việt với đức tính cần cù, nhẫn nại bền bỉ đã giữ nước trải hàng ngàn năm sóng gió, thực đáng xấu hổ trước linh hồn ông cha và bỉ ổi biết mấy trước con mắt bàng quan của ngoại bang! Ngày nay nhiệm vụ văn hóa đó với chúng ta càng khẩn cấp thế nào tưởng khỏi phải nói dài dòng).

Chúng tôi nghĩ đến cuốn “Việtnam, Sociologie d’une guerre” của P. Muss, bìa ngoài in cảnh một gia đình nghèo Việt Nam có một ông cụ già với nét mặt cổ kính mà tác giả ví với nét mặt của Esope, một người nâng dâu đứng bên và cậu con với khuôn mặt tế nhị mà tác giả ví với khuôn mặt của một hoàng tử.

Chúng tôi nghĩ đến lời một người Mỹ trước đây phê bình những bức tranh Tết vẽ gà lợn của

ta: “Sao mấy trăm năm về trước người Việt Nam đã khám phá được những đường nét và màu sắc lạ như vậy?”

Chúng tôi nghĩ đến câu chuyện một số nhạc sĩ trứ danh của thế giới đến quay phim những điệu múa và thu thanh những khúc hát cổ ở Huế, đã hết lời ca ngợi âm thanh thuần túy bản nhạc Phú lục của ta. Tới khi họ được xem đánh trống phượng vũ (đánh trống như phượng múa) thì một danh cầm tốt nghiệp ở âm nhạc viện Rome đã hai lần ngả mũ tỏ dấu thán phục. (Như vậy thì tiếng trống Ngự dương của Nễ Hành đời Tam quốc đánh lên như khóc như than không phải là chuyện ngoa).

Chúng tôi nghĩ đến cả kho tàng văn chương – bác học cũng như bình dân – còn kia.

... Và chúng tôi thấy rằng gia tài văn hóa của ông cha để lại phong phú biết chừng nào!

Phải, vị danh cầm ngoại quốc còn nói với vị nhạc sĩ đánh trống phượng vũ của ta rằng: “Nếu

ông mà sống ở nước tôi, lập tức ông thành triệu phú”.

Tôi thiết nghĩ điều đó không phải là cái dở của Việt Nam. Ở Việt Nam nghệ thuật không đánh giá bằng tiền, nghệ thuật hồn nhiên nảy nở như hoa lá trong thiên nhiên! Người vẽ tranh gà lợn chỉ là một người dân quê Việt sống ở một làng hẻo lánh, quanh năm túng thiếu; người nhạc sĩ miền Trung đánh trống Phụng vũ xong thì xuống con đò nghèo tiếp tục lên đênh trên dòng sông Hương...

Tất cả những điều trên chứng tỏ gia tài văn hóa của người Việt Nam không hời hợt như lũ người mất gốc hàng tưởng. Gia tài đó đã tích lũy sâu xa trong tiềm thức dân tộc, đã hóa thành dòng máu Việt chảy trong huyết quản dân tộc, đến nỗi một người dân quê quanh năm nghèo túng vẫn thực hiện được nghệ thuật hồn nhiên, ngây thơ mà phong phú như bức tranh gà, lợn, như tiếng trống Phụng vũ, đến nỗi trên khuôn mặt của ông cụ già nghèo người ngoại quốc thấy

những mặt hiền triết của Esope và khuôn mặt đứa trẻ nghèo vẫn giữ được những nét thanh tú của một ông Hoàng.

Chúng tôi đã quá dài dòng trước khi kết luận. Như vậy để làm gì? Để được chấm dứt rằng:

Trách nhiệm của Đại học Văn khoa nặng! Sự nghiệp của Đại học Văn khoa lớn! Đại học Văn khoa có tiến tới để duy trì và phát triển một quá văn hóa như vậy mới không phụ lòng trông cậy của dân tộc, không phủ công ơn tiền nhân (công việc của Đại học Văn khoa phải đi song song với việc Việt hóa nền Đại học nước nhà. Hiện giờ dưới Trung Học dùng toàn tiếng Việt. Lên Đại học còn những ngành học tiếng Pháp khiến các học sinh rất đổi ngỡ ngàng. Chẳng khác gì đem con bỏ chợ, đánh trống bỏ dùi! Một số em lo xa bỏ trường Việt xin vào trường Tây!! Nếu chúng ta không kịp sửa khuyết điểm trên thì rồi mình lại tự hổ huê mình. Xem HÂY XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TÚY - Sáng Tạo số 4).

TRIẾT HỌC CỦA KANT

NGUYỄN SA

Khi KANT bắt đầu giảng dạy tại đại học Konlgaberg thì triết học Tây phương đang bị chi phối bởi hai trào lưu tư tưởng chính: một bên là những đề án có tính cách quyết đoán (dogmatique) của Leibniz và Wolf, bên kia là những tác phẩm thiên về hoài nghi chủ nghĩa của David Humo.

Những người thuộc phe quyết đoán tin rằng có đủ chứng cứ để chứng minh sự hiện hữu của Thượng đế, sự bất diệt của linh hồn, tính tự do của con người. Rồi họ suy diễn ra rằng: Tin tưởng ở Thượng đế ta có thể hy vọng sẽ được hưởng một cuộc đời bất diệt đầy hạnh phúc — Kết luận:

ta phải cố gắng làm việc tu nhân, tích đức cho thuận với lẽ trời.

Cũng có những người thuộc phe quyết đoán lại chủ trương ngược hẳn lại. Họ cho rằng có thể chứng minh sự vô hữu của Thượng đế — Chết là hết — Và họ nghĩ rằng ta không có gì để hy vọng ở bên kia cái đời này. Cho nên tất cả vấn đề là làm thế nào quy định được cho rõ ràng thế nào là hạnh phúc và cách thức đạt tới ra làm sao?

Phe hoài nghi chủ nghĩa cho rằng ta không thể trả lời được câu hỏi có trời hay không. Ta không thể biết được một chút gì về nguồn gốc và số phận ta. Cho nên ta không nên hy vọng vì tất cả có thể là ảo vọng. Cuộc sống của ta như vậy, ta nên hướng dẫn, theo thói lễ, tập quán, rồi được đến đâu hay đến đấy — Đó là lời khuyên của một Montaigne. Còn câu hỏi: “Ta phải sống ra làm sao?” là một vấn đề nan giải.

Nhận biết rõ hoàn cảnh triết học đương thời (và cũng là hoàn cảnh truyền thống của triết học) Kant đã tóm tắt lại trong một trang sách

danh tiếng rằng: Những vấn đề triết học thật ra chỉ có ba vấn đề. Thứ nhất: Ta biết được những gì? Thứ hai: Ta được phép hy vọng gì? Và thứ ba: Ta phải làm gì? Vấn đề thứ nhất, nhằm sự phê bình những khả năng của tri thức. Vấn đề thứ hai, thuộc phạm vi tôn giáo. Và vấn đề sau cùng là một vấn đề luân lý. Những nhà triết học trước Kant đều đặt và thử giải quyết ba vấn đề kể trên theo thứ tự đó. Kant cũng cũng nhận thấy rằng cần thiết phải trả lời ba vấn đề đó. Nhưng cái đặc biệt đầu tiên của nhà triết học Đức là đã không theo thứ tự có truyền trong khi thử giải quyết, Kant nghĩ rằng vấn đề luân lý không tùy thuộc vấn đề tôn giáo. “Ta phải làm gì?” không cần phải được diễn dịch ra từ lời giải của câu hỏi “Ta có thể hy vọng được gì?” Và hơn nữa chính giải đáp của câu hỏi thuộc phạm vi luân lý sẽ giúp ta giải quyết được vấn đề tôn giáo. Cho nên từ câu hỏi thứ nhất Kant đã đi thẳng sang vấn đề thứ ba để lại trở lại vấn đề thứ hai sau cùng.

Đảo lộn những vấn đề không phải Kant muốn phủ nhận trật tự luân lý của những vấn

đề đó mà chính vì muốn đem lại cho triết học một nền tảng mới. Ngay từ khi trả lời câu hỏi đầu tiên “Ta có thể biết được gì?” trong sách “Critique de la Raison pure speculative” Kant đã có cao vọng đưa triết học ra khỏi chỗ bế tắc. Sự suy ngẫm về sách vở của David Hume đã không cho phép Kant chấp nhận biện pháp dễ dàng của chủ trương quyết đoán, Hume đã thức tỉnh Kant khỏi “giấc mơ quyết đoán”. Nhưng chấp nhận quan niệm của Hume, Kant nhận thấy rằng không thể được. D. Hume không những cho rằng ta không thể biết chắc rằng “có thượng đế hay không”, lại còn lên tiếng hồ nghi cả những khoa học như toán pháp và vật lý. Hume bảo rằng: sở dĩ ta tin ở sự thật hiển nhiên của những nguyên lý và những định luật thiên nhiên chỉ là vì thói quen. Kant không thể nhận được những lời chứng minh, những lý luận dễ dàng về sự hiện hữu hay vô hữu của Thượng đế nhưng ông cũng không đồng ý với phái hoài nghi. Từ đấy đường lối triết lý của Kant đã được vạch định. Không đồng ý với hoài nghi chủ nghĩa thì ta phải căn cứ ở những gì để chứng minh rằng có những sự kiện như khoa

học chẳng hạn là chắc chắn, là không đáng hoài nghi. Không chấp nhận lý luận quyết đoán về sự hiện hữu và vô hữu của Thượng đế ta cần phải vạch rõ chỗ quyết đoán của những lý luận đó, sự thất bại của siêu hình học. Sau đó, ta mới giải quyết những vấn đề luân lý và tôn giáo xem “ta phải làm gì” và “có thể hy vọng gì ở thế giới bên kia?”



Trước hết ta hãy xét xem Kant nghĩ gì về khả năng của tri thức? Ta hãy bắt đầu nhớ lại văn ảnh danh tiếng của Platon. Tri thức của con người Platon cho rằng chỉ là một thứ kiến thức của “ếch ngồi đáy giếng”. Kiến thức của con người giống như sự hiểu biết của một kẻ bị giam hãm từ lúc sinh ra trong một hang đá có bốn bề thì ba khép kín — Còn một lỗ hổng qua đó ánh sáng của mặt trời rọi xuống và trên những bức tường đá ta nhìn thấy bóng của sự vật — Chỉ có bóng của sự vật thôi vì sự vật ở trên kia, ở bên ngoài hang đá. Phải thoát ra ngoài ta mới biết được, phân biệt

được rằng sự vật không giống những bóng đèn in trên vách đá một chút nào. Với Kant ta phải nói đến một văn ảnh khác, tuy tương tự nhưng bi đát hơn nhiều — Tù nhân của Platon có thể vượt hang đá ra ngoài để chiêm ngưỡng thực tại, phân biệt thực hư. Kant nghĩ rằng ta bị vĩnh viễn giam cầm — Ta bị giam trong một chiếc tháp kín mít. Ta có thể nhìn ra ngoài nhưng chỉ nhìn qua những khuôn cửa khép chặt bởi một thứ lăng kính có khả năng bóp méo sự vật bên ngoài hay nói khác đi ta chỉ nhận được những hình ảnh giả tạo, méo mó. Hơn nữa, chiếc tháp giam cầm con người đó lại nằm trong lòng chiếc tháp nữa cũng bị kín bằng những tấm lăng kính có những đặc tính như những tấm lăng kính nói trên.

Nhưng Kant đã muốn nói gì qua văn ảnh đó? Kant đã nhận thấy ta biết được sự vật bên ngoài là nhờ tri năng. Tri năng tổng hợp “những chất liệu của trực giác” mà giác quan đem lại cho ta. Nhưng “chất liệu” mà cảm quan đem lại đó vốn phân tán, cần phải được xếp vào một cái dàn, cái khung. Dàn đó là những hình thức của cảm

quan, những hình thức có sẵn. Ta biết được sự vật ở trong “khung” thời gian và không gian. Đó là hai khái niệm có sẵn ở nơi ta. Nếu là một con ong, cái kiến ta sẽ nhìn thiên nhiên qua những biểu tượng khác bởi vì loài vật không có như ta một hình thức của cảm quan. Hình thức của cảm quan đó chính là những tấm kính bóp méo sự vật bởi vì ta không thể nhận thẳng sự vật y như nó xuất hiện mà chỉ nhận biết chúng qua một khung không gian, thời gian nào đó của ta. Tri năng của ta bị giam cầm, bị lừa lọc bởi những tấm kính cảm quan. Cần phải tổng hợp cái phân tán, lý luận để xây dựng một hệ thống sự vật thống nhất và mạch lạc. Nhưng biểu tượng về sự vật mà tri năng tác thành được, tổng hợp được sẽ chỉ là một tổng hợp về hiện tượng của sự vật, cái vẻ ngoài, cái hiện ra bên ngoài của sự vật mà Platon đã gọi là ảo ảnh.

Nên Kant đi đến kết luận rằng ta không thể vượt khỏi được những tấm kính « hình thức của cảm quan », cố gắng tìm đến cái tuyệt đối, cái ẩn tượng của sự vật ta sẽ rơi vào một lý luận bất lực

một cách phũ phàng. Tất cả những gì ta biết sẽ chỉ là những hiểu biết về hiện tượng của sự vật mà thôi.

Lý thuyết bi đát vô cùng nhưng cũng thật khôn ngoan. Kant tránh được hoài nghi chủ nghĩa. Ông không như họ phủ nhận giá trị của những nguyên lý trên đó khoa học được xây dựng. Bởi lẽ ta có thể biết được, dựng được một khoa học về hiện tượng. Và như thế những nguyên lý không phải chỉ là « sản phẩm của thói quen » như Hume đã chủ trương. Đồng thời Kant cũng loại bỏ được những lý luận dễ dàng của phe quyết đoán. Loại bỏ được cái ảo vọng xây dựng được một khoa siêu hình xây dựng trên những chứng minh có tính chất khoa học như toán pháp.



Để chứng minh sự tin tưởng đó nhà triết học Đức đã đưa ta vào những lý luận hết sức phức tạp nhưng cũng rất phong phú.

Trước hết nhà triết học Đức phân biệt nơi

con người ba khả năng để hiểu biết: cảm quan, tri năng và lý trí. Và sự hiểu biết thật sự tất nhiên sẽ đưa ta đến chỗ phê phán chính xác. Nhưng thế nào là phê phán? Kant đã trả lời: Phê phán là sự nhận biết của trí tuệ về sự tương quan giữa chủ thể và những thuộc từ. Thí dụ: “Tất cả mọi người đều phải chết”. Đó là một lời phê phán quy định chủ thể “người” thuộc về loại thuộc từ “phải chết”. Phê phán như vậy là một lời công nhận đến từ trí tuệ. Nhưng khác với những nhà luận lý học cổ truyền, Kant chia phê phán ra làm ba loại trong khi những nhà luận lý nói trên chỉ nhận thấy có hai. Ba loại phê phán đó là: phê phán phân tách, phê phán tổng hợp và phê phán tổng hợp và tiên nghiệm.

Từ xưa, phàm đã nói đến phê phán phân tách tức là nói đến tiên nghiệm. Thí dụ: Con bạch mã của vua Henri đệ tứ sắc trắng. Nước sông Hồng Hà màu đỏ. Ta chỉ cần phân tách khái niệm “con bạch mã của vua Henri đệ tứ và nước sông Hồng Hà là thâu tóm được ngay màu sắc của con ngựa và nước sông”. Phê phán phân tách vốn tiên

nghiệm và tất yếu. Tất nhiên màu lông của con bạch mã là trắng. Chủ trương ngược lại sẽ rơi vào chỗ vô lý. Ta đã nói đến bạch mã sao lại còn bảo rằng con ngựa không có màu trắng? Tóm lại ở một lời phê phán phân tách ta biết ngay sự thật mà không cần thử thách, thí nghiệm. Đó là một lời phê phán tất yếu bởi vì tiên nghiệm. Kinh nghiệm chỉ cho ta biết về sự hiện hữu của một sự kiện chứ không cho ta biết gì về một điều không thể nào không có được.

Phê phán tổng hợp trái lại không thể đến từ chỗ phân tách chủ thể. Thí dụ tôi nói: Con ngựa của vua Henri đệ tứ sắc trắng. Phân tách chủ thể “con ngựa của vua Henri đệ tứ” tôi vẫn chưa biết gì về màu sắc của con ngựa. Lời phê phán đó đòi hỏi sự va chạm, kinh nghiệm. Vậy đặc tính của phê phán tổng hợp là: hậu nghiệm. Va chạm, kinh nghiệm đem lại cho ta sự hiểu biết lời phê phán. Vậy phê phán tổng hợp sẽ không có tính cách thiết yếu. Con ngựa của vua Henri đệ tứ không nhất thiết phải trắng. Nhưng ở ngoài hai loại phê phán đó, Kant cho rằng đã khám phá ra một

loại phê phán thứ ba: phê phán tổng hợp và tiên nghiệm. Vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm, hai tính chất vốn mẫu thuẫn được phối hợp. Thí dụ khi ta nói: Con đường thẳng là con đường gần nhất nối liền hai điểm trong không gian. Lời phê phán đó mang hai tính chất:

1– Nó tất yếu: đường thẳng nhất định là đường gần nhất.

2– Nó tổng hợp: phân tách khái niệm đường thẳng ta vẫn chưa biết về sự nó là con đường gần nhất từ một điểm đến một điểm khác.

Nói khác đi, lời phê phán đó tất yếu vậy tiên nghiệm bởi lẽ những gì hậu nghiệm vốn biến đổi chứ không thể nào tất yếu được. Con ngựa mà ta sắp quan sát không nhất thiết mang sắc trắng. Nhưng lời phê phán trên một đằng thì tất yếu, đằng khác lại tổng hợp. Và tổng hợp như chúng ta đã biết vốn hậu nghiệm. Làm thế nào ta lại có thể phát biểu những lời phê phán vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm như vậy được? Lời giải theo Kant, rất giản dị: ta biết một cách tiên nghiệm

những sự kiện chính vì ta đã đem một chút gì của ta vào đó. Từ điểm nhận định này, Kant đã xây dựng tất cả hệ thống triết học của mình: chứng minh sự thành công chắc chắn của một khoa học về hiện tượng và sự thất bại phũ phàng của siêu hình học.

Chúng ta đã đem một chút gì của ta vào trong biểu tượng của ta về sự vật nên ta mới có thể có được những phê phán vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm.

Về toán pháp chẳng hạn ta thấy có những phê phán vừa tổng hợp vừa tiên nghiệm liên quan đến không gian thí dụ như lời phê phán về đường thẳng mà ta đã đề cập đến ở trên. Có những phê phán khác liên quan đến thời gian chẳng hạn như mệnh đề “thời gian chỉ có một chiều”, mệnh đề then chốt của cơ học thuần lý. Ta hãy nhận rõ: ta có thể có những lời phê phán tổng hợp và thuần lý liên quan đến không gian và thời gian. Như thế nghĩa là ta đã đem một chút gì của ta vào sự nhận định đó, ta đã có một kinh

nghiệm tiên nghiệm về thời gian và không gian trong biểu tượng mà ta có về sự vật.

Không gian và thời gian theo Kant không phải là thực tại mà chỉ là những hình thể ta dùng để nhận định những chất liệu của cảm quan. Không gian và thời gian là những tấm lăng kính bóp méo sự vật. Cảm quan ta chỉ có thể nhận biết sự vật qua bức tường vô hình đó mà không thể vượt qua được.

Trong vật lý ta cũng có những lời phê phán tổng hợp và tiên nghiệm. Kant phân ra làm bốn loại: “công lý của trực giác, tiên đoán của sự nhận định, tương xứng của kinh nghiệm, định đề của tư tưởng...” Nguyên lý về sự cần do “không có gì xảy ra trong thiên nhiên mà không có cần do” là một thí dụ. Nguyên lý đó chi phối tất cả vật lý học cho nên ta phải nhận rằng có thể có một vật lý học chắc thực như toán học.

Ta hãy đi sâu hơn chút nữa vào chi tiết của triết học Kant. Ta nhớ rằng: có những chất liệu của sự hiểu biết đến từ cảm quan — Chất liệu đó

bị đóng khung vào trong những hình thể có sẵn là những hình thức của cảm quan: thời gian và không gian. Hình thức đó ví như những tấm kính bóp méo sự vật của chiếc tháp kể trên — Tri năng ta bị giam cầm trong tháp, nhận biết sự vật qua những lăng kính « hình thức cảm quan ». Thế tại sao ta lại xây được một khoa học về hiện tượng? Chính vì ta đã đóng những chất liệu đến từ cảm quan vào trong khung « hình thức cảm quan » và những hiện tượng mà ta nhận biết là những sự kiện chỉ hiện ra với con người không thể khác đi được khi ta vẫn có những « hình thức cảm quan » đó, nên một khoa học về hiện tượng là điều có thể. Những chất liệu đó phân tán, hỗn độn thì đã có tri năng dàn xếp. Biểu tượng về sự vật của ý thức ta là kết quả của một cuộc tổng hợp bởi tri năng. Tri năng phê phán và hành động chính là hành động tổng hợp, thu gọn những sự kiện phân tán về một mối thống nhất. Ta có thể phê phán thiên về: 1) lượng – 2) phẩm – 3) tương quan – 4) hình thái dạng thức. Nói khác đi tri năng được sự giúp sức của phạm trù trong hành động phê phán. Thí dụ khi ta nói: tất cả mọi người đều phải

chết. Tri năng sẽ không thể phủ phản tất cả mọi người nếu không có sẵn một khái niệm về toàn thể. Tri năng không thể công nhận sự sẽ chết của con người là đúng nếu không có một khái niệm về thực tại. Mệnh đề sẽ không được kể là một sự kiện nếu tri năng không có khái niệm hiện hữu.

Tri năng như vậy theo Kant đã được phụ lục bởi 12 phạm trù gồm trong bốn loại: lượng, phẩm, tương quan, hình thái dạng thức. Tri năng ngồi trong tháp nhìn những hình ảnh méo mó, phân tán nhưng cũng có những ống kính khác nếu không đủ sức giúp nó nhận ra cái ẩn tượng của hiện tượng thì cũng tổng hợp được chất liệu phân tán đó.

Thế tại sao những chất liệu vốn hậu nghiệm đến nhờ cảm quan và những phạm trù của tri năng vốn tiên nghiệm lại phù hợp với nhau. Động cơ gì đã thúc đẩy sự ăn khớp đó – Kant bảo: Tri năng ta chỉ nhận biết được sự vật ở trong khuôn khổ của những định luật hết sức tổng quát, đó là những nguyên lý của tri năng. Thí dụ ta sẽ không

biết gì về một vật nếu nó không có phẩm, lượng, không liên quan với vật khác bởi một tương quan nhân quả định rõ trước sau. Đó là những điều kiện để tôi có thể biết về sự vật được. Và nếu tôi biết thì chính là sự vật có những tính chất đủ để có thể được biết. Nhiều người sau Kant còn đi xa đến chỗ chủ trương rằng không có hiện tượng nào xuất hiện ra trước trí tuệ con người được, nếu không ở trong khuôn khổ định luật giúp ta biết rõ hiện lượng đó, cũng như giúp ta tiên đoán và sử dụng hiện tượng. Kant không đi đến đó nhưng ông đã nói rõ rệt: ta biết được sự vật (hiện tượng), vì hiện tượng có tính chất biết được. Kết quả lạc quan là ta có thể xây dựng một khoa học về hiện tượng trên những hệ thống công lý của tri năng. Thuyết hoài nghi bị loại bỏ.

Nhưng tại sao trong khi tin tưởng được ở khoa học và hiện tượng thì siêu hình học lại đang bị gạt sang một bên?

(kỳ sau tiếp)

NGUYỄN SA

CHUYẾN XE LÔ

NGƯỜI SÔNG THƯƠNG

huyến xe ấy khởi hành từ Sài Gòn lúc ánh nắng vừa chớm úa những vòm cây.

Minh bảo tôi:

– Chúng mình đi sớm thế này mát. Có lẽ chỉ độ chín giờ hơn là tới Cấp. Tiết kiệm được vô số thời gian,

Rồi vút mạnh mẫu thuốc lá xuống đường anh tiếp bằng một giọng khám phá:

– Chín giờ! Lúc ấy nắng bắt đầu hơi gay này. Tắm thì tuyệt. Rát lưng thì lại xuống nước. Se da

thì lại lên phơi nắng. Chúng ta sẽ đi thẳng ra bãi liền nhé! Tắm rồi hãy ăn. Ăn xong ngủ. Rồi lại tắm. Kỳ cho thân thể tắm thấm đầy nước mặn mới ra về...

Sau cùng, tiếng anh bay hút trong gió:

– Tôi vẫn có cái thú tắm vào lúc nửa buổi anh ạ.

– Cũng như tôi có cái thú ngủ vào lúc hoàng hôn chẳng?

Tôi lấy tay che giấu một cái ngáp nhẹ, rồi cố len lấy một chỗ ngả lưng vào đệm ghế khoang sau.

Tôi còn nhớ rõ sự tình cờ nào đã đưa chúng tôi vào cuộc tiểu du lịch đó. Không phải biển xa lạ gì đối với chúng tôi. Buổi sáng, nhất là vào những ngày nghỉ, chúng tôi có cái lệ dậy sớm đi tản bộ, tìm hàng phở ăn, rồi chui vào tuột rạp chiếu bóng nào đó. Hôm ấy, cũng như suốt tuần ấy không có

một phim nào khả dĩ gợi cảm hứng rất dễ dãi của chúng tôi, mặc dầu có một vài phim mới mà một vài người ca tụng. Và chúng tôi đã lên xe bên hè đại lộ lúc chưa vào quán phở.

Chiếc xe rời đại lộ, ngoẹo vào một đường cây hẹp, cao.

– Cấp. Bà Rịa! Cấp, Bà Rịa!

Người phụ lái nhoi hẳn đầu ra ngoài cửa xe la lớn với mấy người đi đường.

Trong xe nhao nhao có tiếng người phản đối:

– Này ông tài ơi, xe đủ người đi ngay rồi đó. Ông còn định chèn thêm người nữa sao? Không có chịu đâu.

Lúc đó để ý tôi mới hay rằng khoang dưới chiếc xe vừa vắn tám người chen chúc nhau. Cũng may là Minh và tôi không có hành tỳ lại lên sau nên được cái hân hạnh ngồi ngay bên cửa.

Một bà hành khách gỡ cái khăn bông quần đầu xuống vuốt lại mái tóc. Hai người đàn ông khác loay hoay thu xếp hành lý ở dưới chân. Có tiếng người cất lên:

– Đề nghị gửi một ông hành khách lên khoang trên với ông tài và ông ét đây. Không có lý gì các ông độc quyền khoang ấy nhé!

Người phụ lái quay tại dàn xếp:

– Bây giờ xin quý ông quý bà hãy ngồi tạm, khi nào ra khỏi thành phố chúng tôi sẽ xin xếp lại đường hoàng.

Chiếc xe vượt qua những vườn cao su nhỏ đầu tiên tới những khoảng thưa trống hơn. Người tài xế quay nghiêng, cười hênh bệch bắt chuyện:

– Xin quý ông, quý bà an tâm. Tôi lái xe thiệt là cẩn thận. Hai mươi năm kinh nghiệm có thừa. Không qua một tai nạn nhỏ. Bảo đảm tới Cấp trước 10 giờ đây.

Chiếc xe tiến tới một dãy nhà thấp bé, tồi tàn.

– Cấp, Bà Rịa! Cấp, Bà Rịa!

Chưa ai kịp nói gì thì chiếc xe đã đậu lại. Người phụ lái nhảy xuống. Một ông già ở bên đường mặc cả:

– Bốn mươi về Bà Rịa đây.

– Năm mươi đúng giá, đi liền.

– Chỉ có bốn mươi thôi.

Người tài xế can thiệp:

– Bốn mươi cũng được, đi! Năng nhặt chặt bị. Thôi nào xin lão lên mau đi cho sớm sửa.

Người phụ lái toan ấn ông già lên khoang trước. Ông lão giẫy nẩy:

– Tôi già cả rồi, cho ngồi khoang sau! Ngồi đằng trước chóng mặt lắm.

Người phụ lái lúng túng. Người lái xế nhanh tri hơn:

– Nào bây giờ thì xin một ông lên trên đây với chúng tôi cho nó rộng rãi.

Một vài tiếng ầm ỨC nổi dậy ở khoang sau. Muốn cho mau chóng công việc, tôi xung phong nhường chỗ cho ông già.

Chiếc xe từ từ chuyển bánh. Tất cả xảy ra không đầy 10 phút. Chừng nhớ tới cuộc tắm chín giờ của anh, Minh căn dặn giọng bức tức:

– Bây giờ thì thôi hẳn đấy nhé.

Mấy người hành khách phụ họa:

– Nếu còn lấy khách nữa chúng tôi xuống cả đòi tiền lại cho mà xem.

Người tài xế vui vẻ lấy lòng khách:

– Quý ông quý bà giàu lòng cho con nhà nghề kiếm ăn mà. Thế nào cũng không để phật lòng khách. Tôi lái xe đã lâu năm kinh nghiệm. Nhất định đưa quý ông quý bà đến nơi đến chốn bình an.

Minh bật lên cười:

– Ông làm như đi xe không mấy khi được đến nơi đến chốn bình an chẳng bằng.

Tôi thêm:

– Nói một cách khoa học hơn thì “bất an” là nguyên tắc mà “bình an” là ngoại lệ, một ngoại lệ quý giá đáng tưởng thưởng.

Chiếc xe nhảy sốc lên trên một cái ổ gà. Toàn thân xe rung lên những tiếng gõ sắt bao lấp tiếng nói của tôi. Hành khách xô vào nhau. Có người nói:

– Thế nào ông tài! Hết khoe khôn rồi chứ?

Vẫn với với nụ cười vàng ối, người tài xế phân vua:

– Đây là lỗi tại đường mà.

Rồi hẳn nói lảng đi bằng thuyết lý:

– Ấy cái nghề lái xe nó phải thế. Biết nhận cái nguy nhỏ để tránh cái nguy lớn là người khôn ngoan. Ví dụ vừa rồi tôi cố tránh cái ổ gà đó, thì biết đâu quý ông quý bà cùng với tôi lại chẳng đã uống nước ruộng rồi? Phép lái xe là ở chỗ vững tay lái, phản ứng nhanh, trầm tĩnh, không chịu ảnh hưởng của chung quanh.

Một ông khách:

– Lý thuyết đã vậy nhưng đến khi thực hành liệu có được như thế nữa không?

Người tài xế nói xí xóa:

– Ấy cái đó cũng còn tùy. Riêng về phần tôi thì xin bảo đảm.

Một bà khách nhận xét:

– Tôi cứ thấy báo đăng tai nạn xe cộ mà khiếp, chẳng biết ở đường này thế nào chứ đường Mỹ Tho thì luôn.

Ông già chậm rãi:

– Chẳng qua cũng là do cái “vận” cả.

Trong xe những câu chuyện riêng đã bắt đầu nhóm lên đây đó giữa các bạn bè thân thuộc. Ông già đã ngủ. Minh ngồi im. Tôi một mình lẩn thẩn so sánh thâm lời nói của ông tài xế với một câu thuyết lý còn nhớ đại khái trong một vở hài kịch: “Nghệ thuật đánh nhau là ở chỗ đánh người mà chẳng để cho người đánh”. Vậy thì lời của ông tài rút lại là: “Nghệ thuật chơi xe hơi là lái xe mà chẳng để cho xe lái”.

Chiếc xe của chúng tôi lướt đều trên đường nhựa. Nắng đã lên cao, ánh sáng tỏa rộng đồng quê, khí mát ban mai còn rớt lại từng đợt hỗn loạn trong gió. Những quãng đường quanh co.

Chiếc xe nghiêng nhẹ. Một khoảng đồng trống rỗng. Chiếc cầu sắt rung âm ầm dưới bánh xe. Những tiếng náo động của người và xe cộ. Chiếc xe của chúng tôi đi chậm lại. Biên Hòa sắp vượt qua.

– Cấp, Bà Rịa! Cấp, Bà Rịa!

Lần này thì không phải người phụ lái rêu rao mà chính là người tài xế ngồi bên tôi. Mọi người tưởng hắn là đùa. Minh nói:

– Vẫn còn Cấp, Bà Rịa ư? Đùa hả?

– Dạ còn Cấp, Bà Rịa cho tới Cấp, Bà Rịa chứ!

Hắn cười hai má bạnh ra mà trả lời thế. Và hắn không nói đùa. Hắn đã cho xe chạy chậm. Trước mặt, tôi thấy bóng một người đàn bà, không, một người con gái, vẫy tay ra hiệu cho xe dừng lại. Cánh tay người con gái mềm mại, trắng, nổi bật lên trên chiếc áo cánh đen cộc tay. Tôi nghĩ thầm: “Thằng cha này tinh mắt thật. Thế

mà lúc này hẳn quên không kê khai cái điều kiện tinh mắt này vào trong lý thuyết phi hành xa khí. Xứng đáng làm hoa tiêu vậy thay!

Người con gái sốc lại cái túi vật lên vai, bắt chiếc nón ra đằng sau cổ, túm đôi ống quần làm một để lòi hai cẳng chân trắng thon, chuẩn bị bước lên xe:

– Cấp đây. Lên với!

Khoang sau có người phản đối:

– Chật nệm rồi còn ngồi vào đầu mà lên.

Một người cương quyết hơn:

– Này ông tài, đừng có giở cái bài bày đây nhé! Ông muốn chúng tôi xuống ráo trội chăng?

Người tài xế nhìn thoáng khoang sau. Tiếng phản đối nổi lên dữ dội. Hẳn bối rối một vài giây và lấy giọng ôn tồn:

– Xin quý ông quý bà bình tâm. Không dám quấy rầy quý bà mà!

Rồi quay sang tôi hần cười hóm hỉnh, nheo nửa con mắt:

– Ông cho phép?

Tôi làm như chưa hiểu ý:

– Cho phép cái chi vậy ông tài?

Hần ngập ngừng:

– Dạ, cho phép cô Hai đây lên ngồi cùng... Có một mình cô ấy thôi mà. Thương người lỡ đường, lỡ xe là hơn ông ạ.

Tôi nhìn ra hai bên chưa tính trả lời sao thì hần đã khôn ngoan nhảy phắt ngay xuống đường. Hần mở rộng cánh cửa xe, nắm lấy cánh tay trên người con gái, đu cô ta lên. Người con gái vừa vùng vằng giật tay ra vừa ngồi xuống ghế. Thế là tôi mất chỗ ngồi bên ông tài và phải chia sẻ cùng

cô khách mới cái khoảng giữa của chiếc ghế độc nhất khoang trên.

Cánh cửa xe đóng sập mạnh theo tay người tài xế. Một chiếc xe hàng vút qua sát liền chiếc xe của chúng tôi. Có tiếng la lối từ chiếc xe đó chỗ sang:

– Mẹ kiếp, mở cửa xe tay trái ở giữa đường có ngày toi mạng nghe!

Tôi thấy người con gái liếc vội người tài xế trong khi hấn cúi xuống dọn ga. Chiếc xe rú lên, đi vọt làm mọi người xô lưng vào ghế. Khi chiếc xe đã trở lại tốc độ bình thường, tôi quay lại khoang sau nhìn Minh cười. Một bà khách lườm dài người tài xế:

– Kiểm thêm một vài mối nữa cho vui ông tài.

Rồi không đợi hấn trả lời, bà ta tiếp:

64 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

– Thế nào đã có bà tài ở nhà chưa, không thì để chúng tôi làm mai giùm.

Người tài xế cười phá lên:

– Còn gì quý hóa bằng, bà ơi!

– Nhưng mà ông muốn người như thế nào cơ chứ?

Người tài xế liếc cô con gái:

– Dạ, thưa nết tôi cũng dễ ạ.

Một người khách bàn góp, nhìn cô con gái:

– Dễ là thế nào cơ chứ? Trắng hay mai mái? Phi dê hay tóc dài? Mập hay thon?

Bà khách ban đầu tiếp lời:

– Xem nào, như ai bây giờ? Như cô khách mới lên ban nãy nhé!

Người tài xế thích chí:

– Nhưng mà biết rằng người như thế họ có bằng lòng thẳng tôi không đã?

Dứt lời, hần cười vang híp cả hai mắt lại.

Không ai trả lời. Người khách đàn ông ghé vào vai cô khách:

– Cô Hai phát biểu ý kiến đi chứ!

Không quay lại, cô gái nói:

– Dạ. thưa em không có ý kiến ạ.

– Sao, chỉ có một là chấp thuận hai là phản đối thôi mà cũng không có ý kiến ư?

– Nếu thế thì xin thiếu số phục tùng đa số ạ.

– Thế nghĩa là cô tán thành?

– Tùy ý các ông hiểu thế nào được thế.

Nhiều tiếng nói một lúc:

– Hoan hô! Đoàn kết chủ khách muôn năm!
Ông tài muôn năm!

Và tiếng cười rộ lên, kéo dài, náo động cả một khoảng đường. Hình như chiếc xe không chạy nữa. Ông cụ già khoang sau tỉnh giấc, nhìn ra, gất om:

– Bà con cô bác có để cho ông tài rảnh tay làm tròn phận sự không nào? Xe gần như liệt máy rồi đó! Thế này thì bao giờ mới đến cho.

Tôi thoáng nghe thấy tiếng Minh sau một cái thở dài:

– Không khéo là tan mộng tám chín giờ.

Chiếc xe bỗng chồm lên như con thú vô mỗi, chạy băng băng. Hành khách trong xe bám vúi lấy nhau. Cô gái ngồi bên tôi không hề mất thăng bằng hai tay khoanh trước ngực, cười lên khoái chí. Bây giờ tôi mới để ý ngắm cô ta. Chiếc áo

lụa đen, rất đen. Hai cả tay tròn trắng, rất trắng. Cái ngực khỏe mạnh. Cái cổ đầy. Mặt hơi xương xương. Lưỡng quyền cao. Nước da trắng. Tóc quấn bừa bãi. Mắt nhanh. Trán thấp. Môi dày. Điều nửa tỉnh nửa quê. Chùng người buồn bán.

Chiếc xe đã hạ xuống đều đều 60 cây số một giờ. Không ai nói với ai nữa. Người phụ lái đã bán vé xong, đang kiểm tiền. Ông già khoang sau tiếp tục ngủ. Có người giở báo ra đọc. Tôi nghĩ ngợi vẩn vơ một lúc rồi cũng thiu thiu. Ở những chỗ đường dốc hay đường ngoẹo tôi cảm rõ thấy cô láng giềng của tôi cục cựa, vắn vẹo người hoặc xê nhích sang phía tôi.

Đến Long Thành, chiếc xe của chúng tôi dừng lại mặc dù không có khách lên xuống. Ông già choàng tỉnh dậy:

– Đã đến nơi rồi hả?

Người tài xế nhảy xuống lấy khăn mặt bông lau cổ, lau trán:

– Thừa chưa. Đây mới tới Long Thành. Xuống xem dầu mỡ ra sao. Và cũng để quý ông quý bà có ai muốn giải khát không.

Cô gái ngồi cạnh tôi đã thoản thoắt tiến vào một quán bán nước bên đường. Người phụ lái cũng vừa nhảy xuống. Có người ở khoang sau bỏ ra tản bộ ở hè cỏ. Tôi đề nghị đổi chỗ cho Minh nhưng anh lắc đầu không nói năng. Từ chỗ tôi ngồi nhìn vào quán nước, tôi thấy ba người đồng hành của tôi đang khoa chân múa tay, cười nói ngật nghẻo.

Hồi lâu, sốt ruột ông già hô to, cắt đứt câu chuyện đàng xa của người tài xế:

– Xe có chạy nữa hay thôi thế này?

Người phụ lái chạy nhanh ra xe. Người tài xế đi kèm bên cô khách vẫn không thôi thuyết lý:

– Hai mươi năm kinh nghiệm có dư mà. Còn phải lái những chiếc xe chở đồ nặng hàng tấn trên những con đường hiểm nghèo gấp vạn

lần ấy. Kratié, Stung Streng, Paksé, Savannakhet, Thakhôk, Luang Prabang... thôi thì không còn thiếu non xanh đất đỏ nào. Được con đường này thì thần tiên lắm rồi còn gì.

Người tài xế sửa soạn cho xe chạy. Bà khách khoang sau hỏi đùa:

– Vô dầu mỡ xe rồi chứ?

Người tài xế cười, trả lời trong hai tiếng máy nổ:

– Cám ơn. Vô dầu mỡ là và dầu mỡ cho người lái xe chứ khỏi cần cho xe, bà ơi!

Nhưng hắn vẫn không quên câu chuyện bỏ dở với cô khách quý:

– Nếu cô không tin thì tôi xin chứng minh bằng việc làm vậy.

Nói thôi làm liền, hắn sang số xe. Chiếc kim chỉ tốc độ nhảy vọt lên 90 và tiến tới 100. Gió rít

bên xe như bão lướt. Một vài chiếc xe đi ngược chiều gặp xe chúng tôi. Tôi chỉ nghe thấy một tiếng đánh “ào” mà không kịp nhận biết những chiếc xe kia loại gì. Còi xe chúng tôi rúc thường xuyên. Những chiếc xe bị vượt qua tưởng như bị ném lại đằng sau. Hình như có những tiếng nguyên rủa từ đó. Chiếc xe của chúng tôi vẫn hung hăng chạy như người say rượu khi vút thẳng, khi lách ngang. Tôi nghĩ: “Tiếc rằng đây không phải là một thao trường Tây phương. Cho nên trận mạc đình, chỉ vì thiếu người dự trận”.

Người khác không nghĩ thế. Cô gái bên tôi lim dim con mắt và nhún nhảy thân mình trên ghế. Khoang sau đậm dịch những biểu hiệu phản đối. Xem chừng hoa tiêu viên không hay biết thì phải. Hắn vẫn tiếp tục biểu diễn, hay nói cho đúng hơn tiếp tục giảng một bài học thực hành về nghệ thuật cầm máy xe hơi:

– Chỉ cần đặt một tay vào vành lái cũng đủ. Thế mà vững như bàn thạch đó. Có cả thử đụng vào xem có chuyển không nào.

– Biết tài ông rồi mà. Đâu dám thử. Nhưng mà muốn nhờ tay ông để tưởng mình vắn lái có được không?

– Được chứ! Được làm chứ. Nào cô nắm vào một tay, tôi cầm một tay, và cô cứ mặc tôi đưa đẩy.

Cô gái rụt rè. Người tài xế lôi một tay cô đặt lên vành lái. Một quãng đường chữ N. Vành lái xoay đi xoay lại. Hai cánh tay đen trắng bắt chéo nhau. Cô gái cười tí:

– Còn thế nào là sang số?

– Là thay đổi tốc độ, có gì đâu. Đây cô cứ coi tôi điều khiển.

Chiếc xe đi chậm lại, chậm hẳn lại, rồi lại nhanh lên, nhanh lần tới tốc độ cũ.

– Có thể vượt lên được nữa không?

– Được chứ. Đây tôi thử một tí thôi kéo người ta kêu.

Chiếc xe rú lên, băng đi như lướt gió, tưởng chừng rời khỏi mặt đường. Chiếc kim đồng hồ vượt 100, rồi lại trở về trên 90. Khoang sau có người cự:

– Này ông tài, ông muốn cho chúng tôi về thăm Diêm Vương thì bảo.

– Dạ, đã xin trở và lốc độ cũ rồi đó.

Chiếc xe đi cũng gọi là hiền lành như thế được một hồi lâu. Chừng khi hành khách quên chuyện đã qua thì những trò cũ lại tái diễn.

Bỗng chiếc xe rít lớn, xoay ngang chuện choạng trên bốn bánh, rồi dừng hẳn trên bờ cỏ. Hành khách trong xe cuống cuống ôm lấy nhau, vúi vào cửa, vào thành ghế. Phút giây hoàn hồn tôi mới nhận ra cái hiểm họa vừa đe dọa chúng tôi: thì ra người tài xế toan vượt một chiếc xe đồ trước mặt; rủi sao chiếc xe đó lại vừa đi vào

một chiếc cầu hẹp, liền mặt đường; thế là chuyện vượt bất thành người tài xế đành phải hãm vội xe trước khi vào cầu; cũng may bộ máy hãm còn tốt lại gặp khoảng đất rộng đầu cầu, không thì có lẽ chúng tôi đã bị bể đầu sể tai rồi. Hành khách nhẩy cả ra ngoài xe. Người ta xúm lại mắng nhiếc người tài xế tàn tệ. Có người hăm điệu hăn đi trình nhà chức trách, lại có người dọa đánh hăn. Minh thì chỉ xuýt xoa tiếc cái cuộc tắm 9 giờ của anh. Người tài xế chống chế loanh quanh và thể sống thể chết là từ sau không dám để lòi thoi xảy ra về sau nữa. Người ta bàn cãi một hồi lâu. Rút cục người ta bắt cô gái phải đổi chỗ. Và khi chiếc xe lại lên đường thì nắng đã bắt đầu hơi gay...

Từ đó, từ cái tai nạn hụt đó, chiếc xe lô của chúng tôi đi với một điệu hiền lành thái quá. Câu chuyện cũ rồi cũng quên đi qua bao chặng đường chật vật đầy nắng bụi khác. Tôi đánh một giấc dài cho tới lúc Minh vỗ vai tôi gọi dậy:

– Xuống! Xuống! Đến nơi rồi!

Tôi ngáp dài:

– Chóng quá nhỉ?

Minh cau có:

– Lại còn chóng ư? Anh có biết mấy giờ rồi không? Chuông nhà thờ vừa đổ Ngọ đấy.

Tôi nói như một cái máy:

– Chúng mình ra thẳng bãi biển chứ?

– Lại còn ra bãi biển làm gì giờ này nữa hở ông tướng?

Trên con đường tìm đến nhà một người quen, Minh cứ thắc mắc mãi không hiểu là chúng tôi đã ra đến biển chưa, và nếu có thì là nhờ ở cái gì: ở vận mệnh, ở ông tài xế, hay ở cái Traction 11?

NGƯỜI SÔNG THƯỜNG

MỘT KHÍA CẠNH TÂM SỰ CỦA ÔN NHƯ HẦU

VŨ KHẮC KHOAN

ÔN NHƯ HẦU chính tên là Nguyễn Gia Thiều, con Đạт vũ hầu Nguyễn Gia Cư và bà quận chúa Ngọc Trấn tức Quỳnh Liên công chúa, con gái chúa Trịnh Cương.

Ông sinh năm 1741, niên hiệu Cảnh Hưng triều vua Lê Hiển Tôn. Vì có họ với chúa Trịnh, lên 5, ông được vào cung chúa Trịnh Doanh ăn học. Tư chất thông minh, ông giỏi nghề văn lại tinh thông nghề võ. Năm 19 tuổi được tuyển vào trong cung làm chức Hiệu úy quản binh mã. Và sau có chiến công, thời chúa Trịnh Sâm, ông

được phong tước Ôn Như Hầu. Từ phong hầu về sau, ông hay giao du cùng với những triết gia và thi gia trong nước, mê man trong những cuộc thanh đàm về đạo Phật, đạo Lão, lấy sự nhàn hạ khoáng đạt làm chí thú, không quản việc triều đình, nên mất sự tín nhiệm của vua Lê cùng chúa Trịnh. Gia dĩ lại có nhiều kẻ ganh tài, ghen ghét mà gièm pha, ông lại càng chán ngán việc đời. Kịp đến khi Nguyễn Huệ lấy Bắc Hà, ông bèn dựng nhà ở Tây Hồ ở ẩn. Triều Tây Sơn có triệu ông ra tham chính, ông cáo bệnh mà từ chối.

Ôn Như Hầu mất năm 1798, thọ được 52 tuổi, cuối triều vua Cảnh Thịnh, Tây Sơn.

Trong thời ông ở ẩn, ông chuyên về việc sáng tác. Những tác phẩm chính của ông là:

- Ôn Như thi tập gồm hơn một nghìn bài thơ chữ Hán. Tác phẩm này hiện thất lạc.
- Tây Hồ thi tập, viết bằng chữ nôm.
- Tú Trai thi tập, viết bằng chữ nôm. Ngoài

ra, còn bộ Sơn Trang Am, Sở Từ Điệu phổ vào âm nhạc.

Tác phẩm nổi tiếng nhất được lưu truyền đến bây giờ là một tập trường ngâm viết bằng chữ nôm, nhan đề là Cung Oán Ngâm Khúc.



Nhưng ít người bàn luận về Cung Oán Ngâm Khúc, so sánh với những tác phẩm cổ điển khác, như Đoạn Trường Tân Thanh, như Chinh Phụ Ngâm.

Hình như Ôn Như Hầu, trên văn đàn Việt Nam đã được rõ ràng định đoạt địa vị. Hình như về mọi phương diện, Cung Oán Ngâm Khúc đã được giải thích rõ ràng. Thật vậy, tự cổ chí kim, tất cả những người nghiên cứu tác phẩm này, ít nhiều, đều như đã đồng ý mà cho rằng viết nên Cung Oán Ngâm Khúc, Ôn Như Hầu chỉ nhằm một mục đích thiển cận là giải bày nỗi oán của mình khi thấy mất sự tín nhiệm của vua Lê và chúa Trịnh. Vậy tâm sự của ông chỉ là tâm sự

của một viên quan bị thất sủng. Cũng như tâm sự của người Cung nữ trong tập Cung Oán. Và cũng như người Cung nữ, tuy oán nhưng ông vẫn không dám giận hờn và vẫn nuôi một chút hy vọng mỏng manh:

Phòng khi động đến cửu trùng

Giữ sao cho được má hồng như xưa...

Chủ trương đó, mới xét qua, có vẻ hợp lý, cảnh ngộ của tác giả tưởng chừng như ăn khớp với cảnh ngộ của nhân vật chính trong thi phẩm là người Cung nữ. Cả hai cùng đã được sủng ái rồi cả hai đều đã bị thất sủng,

Nhưng, đọc kỹ tác phẩm, chúng tôi thấy không thể không thắc mắc. Vì nếu muốn nhằm mục đích kêu nài một chút ơn mưa móc của một « đấng quân vương » mà Ôn như Hầu đã sáng tác ra cả một tập trường ngâm, thì tại sao khi nói đến « đấng quân vương ». Ông hầu Ôn Như lại đã vụng về đến nỗi hơn một lần mắc lỗi mạo thượng?

Trong cái đêm đầu tiên gặp gỡ giữa nhà vua và người cung nữ, giữa lúc người cung nữ phấp phồng đợi chờ như:

Chồi thược dược mơ màng thụy vũ,

Đóa hải đường thức ngủ xuân tiêu,

Ta hãy nghe thi sĩ mô tả cử chỉ vũ phu của nhà vua:

Gió đông thôi đã cợt đào gheo mai.

Ta hãy nghe thi sĩ mô tả thái độ tục tằn của « Đấng quân vương »:

Khi ấp mạn, ôm đào gác nguyệt,

Lúc cười sương cợt tuyết đèn phong.

Đóa lê ngon mắt cửa trùng.

Và ngay trong khi được sủng ái, chiều chuộng, đây là lời tâm sự của người cung nữ:

Cho cam công kẻ nhúng tay thùng chàm.

Đến khi bị thất sủng, đây là một ý nghĩ chua
chát của nàng:

Vốn đã biết cái thân cầu chõ.

Cá no môi cũng khó nhử lên.

Nói đến “đăng quân vương” giữa thời quân chủ chuyên chế mà dùng đến những danh từ “cột”, “ghẹo”, “ôm”, “ấp”, “cười” để mô tả cử chỉ, hay “thùng chàm”, “cá no môi” để ám chỉ đến chính “đăng quân vương”, thì câu từ nên non bốn trăm câu thơ, Ôn Như Hầu nhất định không nhằm cái đích oán thâm “quân vương” để mong “quân vương” thương lại, để mong vớt lại một chút ơn mưa móc..

Gia dĩ, đương thời tác giả thì “đăng quân vương” là ai? Là Lê Hiển Tông hay Trịnh Sâm, Trịnh Cán, Trịnh Khải, Trịnh Bồng, nghĩa là những người đại diện cuối cùng cho những triều đại suy tàn đến độ diệt vong. Lê Hiển Tông suốt đời bị uy hiếp; Lê Chiêu Thống chết nơi đất khách; Trịnh Sâm cúi đầu trước Đặng Thị Huệ; Trịnh Cán, Trịnh Khải xếp mình dưới uy thế Kiên binh;

Trịnh Bồng thất bại trước Nguyễn Hữu Chỉnh... “đăng quân vương” đã như vậy, cái “ơn mưa móc” nếu có, thật đã ra gì? Ôn Như Hầu còn mong gì ở “đăng quân vương” ấy mà đã phải làm thơ để kêu nài một chút ưu nhiệm?

Vậy nếu cứ lập luận, dựa vào các điển tích cũ rích “người Cung nữ nhà Tần oán Lưu Bang” để chủ trương rằng sáng tác nên tập Cung Oán Ngâm Khúc, Ôn Như Hầu chỉ muốn ký thác cái tâm sự thấp hèn của một viên quan thất sủng thì thật quả là quá đắc tội với cổ nhân mà vô tình hạ giá nội dung của một tác phẩm cổ điển.

Bởi tâm sự của Ôn Như Hầu không phải là tâm sự của một bề tôi không đắc dụng, mà chính là tâm sự của một kẻ sĩ mắt đã nhìn thấy bao nhiêu cuộc tang thương biến đổi, tai đã nghe bao nhiêu câu chuyện thăng trầm, đích thân, lại đã sống giữa bao nhiêu biến cố lịch sử quan trọng, tâm tư đôi phen bận rộn về ý nghĩa của cuộc đời.

Tâm sự đó là một tấn kịch ray rức tiềm tàng một mâu thuẫn khá gay go giữa một cuộc sống

nội tâm muốn siêu thoát và những phiền trọc trong thực tại nó bó buộc con người phải “nhập ngũ” – Tâm sự đó tố cáo một thể sống chênh vênh bởi “người trong cuộc” vẫn còn thắc mắc, vẫn còn cảm thấy lạc loài trong mê cung của thế sự.

o O o

Ôn Như Hầu là một sĩ phu. Đảng cấp của thi sĩ là một đảng cấp luôn luôn nắm quyền chủ động trong mọi công cuộc quan trọng của dân tộc. Đó là đảng cấp của những Tô Hiến Thành, Lý Thường Kiệt, Trần Quốc Tuấn, Chu Văn An, Nguyễn Trãi... Con người sĩ phu vì vậy đã luôn luôn tự nhận và đòi hỏi một phận sự trong xã hội, một trách nhiệm trước lịch sử.

Cách đây mấy chục năm về sau, Nguyễn Công Trứ — một đại diện xứng đáng của đảng cấp — cũng đã viết:

Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt

Dẫn hữu từ, sĩ vi chi tiên

Có giang sơn thì sĩ đã có tên

Từ chu, Hàn vốn sĩ này là quý

Và đã long trọng công nhận:

Trong vũ trụ đã dành phận sự...

Đi sâu thêm vào cuộc sống nội tâm thì ngoài cái lý xử thế của Khổng học, con người sĩ phu lại còn mang thêm cái sắc thái thanh thoát của Thiền học và Lão học. Chính cái sắc thái này đã giúp cho con người sĩ phu giữ trọn tiết tháo mỗi một khi không gặp thời mà lui về an bản lạc đạo.

Đã từ lâu, bởi cái tương quan giữa hoàn cảnh bên ngoài và con người nội tại của kẻ sĩ vẫn giữ được thế thăng bằng cho nên mâu thuẫn không có cơ nảy nở: người sĩ phu dầu gặp thời hay không đạt vận, dầu xuất hay xử vẫn giữ trọn được tính cách của đẳng cấp, vẫn được tôn trọng, kính nể trong xã hội.

Nhưng cái thế thăng bằng đó không thể vĩnh viễn. Và kịp đến khi, Ôn Như Hầu:

... Mang tiếng khóc bùng đầu mà ra

Thì mâu thuẫn giữa con người sĩ phu và thời đại đã trở nên gay go. Thời thế đã thôi thanh bình. Người sĩ phu trở nên hoang mang trong một xã hội chuyển biến gấp rút.

Thật vậy, từ năm 1741 – là năm Ôn như Hầu ra đời – cho đến năm 1798 – là năm Ôn Như Hầu mất — suốt giải đất Việt Nam đã trở nên một bãi chiến trường. Từ Nam ra Bắc, bao nhiêu cuộc giao tranh đã diễn ra: Trịnh – Nguyễn, Tây Sơn – Nguyễn, Tây Sơn – Trịnh, Trịnh – Nguyễn Hữu Chỉnh, Tây Sơn – Nguyễn Hữu Chỉnh, Tây Sơn – Mãn Thanh... Riêng ở Bắc Việt, bỏ ra ngoài những vụ loạn như Ngàn già, Ninh Xá, Quận He, Quận Hẻo, vào những năm 1741, 1742, đã bao nhiêu lần xảy ra biết bao nhiêu là cuộc tranh chấp? Nào là kiêu binh tàn phá Thăng Long, nào là Nguyễn Huệ ra Bắc diệt Trịnh rồi đến Nguyễn Hữu Chỉnh ra Bắc lập nghiệp, Vũ Văn Nhậm ra

Bắc diệt Nguyễn Hữu Chỉnh, Nguyễn Huệ ra Bắc diệt Vũ Văn Nhậm, Mãn Thanh ở Trung Hoa tràn xuống, Nguyễn Huệ ra Bắc diệt Mãn Thanh, Nguyễn Huệ đột ngột nằm xuống, Nguyễn Ánh sửa soạn Bắc Tiến.

Ở vào thời đó, thiên hạ đua nhau theo đuổi việc binh mà sao lãng văn học. Giới sĩ phu trở nên vô dụng. Bộ máy cai trị diễn ra cái cảnh tượng vô cùng rối nát. Văn võ quan lại trốn tránh nhiệm vụ, phỉnh nịnh người trên, tàn bạo, hà hiếp dân lành. Việc thi cử hoặc tuyển dụng công chức trở nên luộm thuộm. Vì thiếu công quỹ, chính quyền ra lệnh ai bỏ tiền ra cũng được đi thi, ai bỏ tiền ra thì được làm quan. Trường thi biến thành chợ thi. Quan trường trở nên một chỗ buôn danh bán tước. Không có lúc nào sĩ khí suy vong như trong thời bấy giờ. Có kẻ hùa theo thế mạnh. Lại có người trốn tránh trách nhiệm mà về ở ẩn. Nhưng cũng có những người vừa ý thức được nhiệm vụ truyền thống của đẳng cấp lại cũng vừa hiểu rõ nỗi bất lực của đẳng cấp trước thời cuộc, vừa muốn làm, lại vừa biết rằng có làm cũng là vô

ích. Những người này là những con người đau khổ của thời đại.

Ôn Như Hầu là một trong đám người trí thức này. Hơn ai hết, tâm sự của Ôn Như Hầu bị giày vò. Một mặt, thi sĩ cảm thấy phải làm một cái gì, theo lời gọi của tinh thần truyền thống kẻ sĩ tiềm ẩn trong thâm tâm, mặt khác, lại không biết phải làm gì. Theo Tây Sơn ư? Theo Tây Sơn lúc đó là phù thịnh, là phản bội lại cái nghĩa trung của đạo Khổng. Phù Lê ư? Hơn ai hết, bởi đã được sống trong cung cấm, Ôn Như Hầu đã hiểu rõ những thói nát và đốn hèn của cảnh vua Lê, Chúa Trịnh. Đi ở ẩn chẳng? Cuộc đời ẩn sĩ mà Ôn như Hầu đã chọn sau bao nhiêu suy nghĩ, tuy có làm thỏa mãn cái cốt cách Lão-Trang của thi sĩ nhưng đồng thời lại mâu thuẫn với cái lý “nhập thế cuộc” để nhận trách nhiệm của một kẻ sĩ.

Làm hay không làm? Nhập thế hay xuất thế? Tấn kích mạnh nha đã trở nên mãnh liệt. Và cùng một lúc, cái hoàn cảnh khách quan ác nghiệt nó làm đảo lộn tất cả cái thế thăng bằng trong tâm

hồn Ôn Như Hầu, vụt trở nên nghiêm khắc như một định mệnh.

Thế là Ôn Như Hầu tuy tài chí có dư – như người Cung nữ tài sắc vẹn toàn trong Cung Oán Ngâm Khúc – Ôn Như Hầu cũng đành thúc thủ trước Định Mệnh đã an bài tất cả. Nhà Lê mất cũng vì Định Mệnh. Nghiệp Trịnh cáo chung cũng vì Định Mệnh. Nguyễn Hữu Chỉnh, Vũ Văn Nhậm bất đắc kỳ tử cũng chỉ vì Định Mệnh. Nguyễn Huệ oanh liệt một thời rồi đột ngột từ giã cuộc đời cũng vì Định Mệnh: Định Mệnh là tất cả. Trước Định Mệnh, con người chỉ là một con số không kinh khủng. Trước Định Mệnh, hỡi ơi! Còn đâu là Tự Do của con người?

Quyền họa phúc trời giành mất cả,

Chút tiện nghi chẳng trả phần ai.

Cái quay búng sẵn trên đời,

Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm

Trong cái lưới mệnh mang của Định Mệnh
khắc khe, người sĩ phu bị kẹt là Ôn như Hầu chỉ
còn có biết:

Muốn kêu một tiếng cho dài kéo cãm.

Kêu lên để vơi bớt nỗi bất bình, để cho tâm
hồn tìm được đôi phần bình thản giữa cái ồn áo
của thế sự.

Một tiếng kêu não nuột, bốn trăm vần thơ
trác tuyệt, thiên đoàn bách luyện. Một bầu tâm
sự u uất. Một tấn thảm kịch ray rức.

Đây là nội dung của một tác phẩm: Cung
Oán Ngâm Khúc. Đây là ý nghĩa của một cuộc
đời: Ôn Như Hầu.

VŨ KHẮC KHOAN

MỘT CHỖ TRÊN Ô TÔ BUÝT

Tặng NGUYỄN

Buổi chiều vào chật khoang xe. Đèn thấp lên

Tiếng máy nổ bỗng thành tiếng cười dài

*Mưa xuống bên ngoài, ngoài cửa sổ. Những bàn
tay níu lấy vòng sắt lạnh*

*Mỗi ngày chúng là đứng bên nhau không quen
nhau*

Thân một ngó lên mái tóc rối nền trời khuya

Ngó vào mắt hoang xa dòng sông không bờ

*Sau một ngày làm việc em mơ về khói ấm khuôn
mặt riêng*

Tôi nghĩ về cuộc đời thăm thăm hằng ngày

*Trên những thành ô tô buýt người ta xô chạm vô
tình*

90 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Tôi bám chắc cửa xe xin một chân đứng

*Nhớ đến những người bạn: một người bên Xóm
Cỏ một người ngoài Phú Thọ*

*Muốn gặp nhau mang cảm tình qua hai chặng
đường lên giữa đám ồn ào*

*Chuyến xe buýt chạy trong buổi chiều. Trời mưa,
mưa ngoài, châu thành*

Không tìm thấy bến không đỗ lại

Vai áo đã ướt đây

Tóc em rét muối

*Một ngày mới bắt đầu với tờ báo phát hành sớm
gói tròn trên tay*

*Xe còn chạy mưa hoài dòng sông hoang mắt bỏ cố
nứu lấy cửa xe*

Nhưng chúng ta không kiếm được lời nào mà nói.

THANH TÂM TUYỀN

BÀI THƠ TÌNH SỐ 13

1

*Anh thức dậy, thơ giảng hồng xóm nhỏ
nghe yêu em bằng những sợi mặt trời
đại lộ từng bừng thành phố lả lơi
môi hôn chặt mỗi ngã tư đường quyến luyến
xao xuyến âm thanh hoa mình uyển chuyển
gieo hương ngân thắm thiết nuôi không gian
yêu em sao cây-lá-là-ngàn-ngàn
thâu đậm ở vô vàn trang sách mở
nghe em nghe em phập phồng hơi thở
con đường lòng bẽn lẽn bước chân mây
cỏ mọc xanh đầy (em nhớ những tấm cỏ may
bâu lấy cả hai đứa mình khúc khích?)
bóng của ngày qua đẹp màu ngọc bích*

92 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

mộng hoang đường vừa gặp lại hôm nay
anh lại yêu em tình lại đã đầy
yêu bát ngát vòng chân trời diệu viễn

2

Một khoảnh trời lam, ngơ ngàng câu chuyện
na-cười-nâu-chim-sẻ ồm ờ bay
chúng mình mê nhau từng mỗi phút giây
nên giấc ngủ cũng lắm chiều thao thức
chúng mình yêu nhau như hồn thảo mộc
như lá cành đêm xuống bước vào nhau
ở đỉnh non cao chỉ thấp ngang đầu
và biển rộng mời dâng vời khóe mắt

3

Ngây ngất men say, đất trời e ấp
sài gòn tương tư hà nội bữa nào
phượng vĩ lên màu ai biết hỏi vì sao

vì sao vì sao yêu hoài thế nhỉ
 ở đâu nơi đâu cũng lời rủ rỉ
 chuyện chúng mình thôi mái ngói bờ hè
 hãy lặng yên em hãy lặng yên nghe
 từng tiếng nói của linh hồn nhỏ giọt
 để huyền diệu thơ dâng tình chót vót
 lời duyên êm trau chuốt đôi bàn tay
 vườn ân tình ngân ngát đôi vòng tay
 như vũ trụ của riêng mình đôi lứa

4

và đi và đi dù chiều khép nửa
 mà đi mà đi về tận vô thường
 dù có bao giờ thăm thăm trùng dương
 anh vẫn yêu em mặc tình giông bão
 phường phố kinh thành thơm mùa phương thảo
 chút hoang sơ lồng lộng những triền môi

94 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

chúng mình về hạnh phúc mới tinh khô

hoa lim nở tìm đôi bờ trống trải

5

Hôm-nay-yêu-em-một-lần-mai-mãi.

DUY THANH

TÔI CÒN YÊU, CÒN YÊU, TÔI CÒN YÊU

Chiều nay đen, trời buồn hơn đêm tối,

Không sao hôm trợ tỏ ánh đèn rung,

Không nường xa thôn ánh lửa bập bùng.

Đầu thu lạnh, cây rừng hoang trút lá.

Chiều nay đến xui buồn thêm mái rạ.

Nghiêng linh hồn thương mái nhỏ chùa thiêng,

Những thanh dang cũng nặng vế gông xiềng.

Ôi bùng bít, gần xa trời lẫn quần!

Không buông neo, chiều này đen số phận,

96 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Với mui che là hấp hối trời thu,

Con ghe tim chở cộng một đêm tù

Mơ bến rộng đổ sâu niềm bút rút,

Mơ bến rộng cho tình thương nở ngực,

Nghe gió đàn gảy ngọt ý thên thang.

Tôi ra đi mũ đội với áo choàng.

Không đoái tiếc chút chiều đen thôn dã.

Vì tâm tư còn say hương mùi lạ,

Tôi còn yêu nên mới hẹn trở về

Với vui vui đêm quán nhỏ cà phê

Của anh phiếm với lời tôi túy lúy.

Với mai sớm của hè em phố chi,

Còn chùn xòe được thể hót ra thơ.

Xinh cô em tan lễ sớm nhà thờ,

Ngay lối hẹn gót sen hăng kín bước.

Vội duyên dáng ở môi anh hài hước,

Truyện từng bừng đại lộ có muôn chương!

Xưa em thơ mê gánh xiếc công trường.

Nay mắt then và lòng nghe bã ngỡ.

Vâng tôi đây người làm thơ gác trọ,

Khách chuyên cần của đón phố chờ tin.

Êm đêm xưa ngon giấc ngủ im lìm.

Tôi thao thức chân đi hồn ở lại.

Nay mưa gió từ chiều xa hoang đại,

Hẹn vui ngày đoàn tụ có tôi đây.

Chút thơ yêu xin kể hội sum vầy.

98 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Ôi phố thị chiều nay sao náo nức!

Tôi còn yêu, còn yêu, tôi còn yêu...

CUNG TRÂM TƯỜNG

NGOÀI HÀNG DẬU

LÝ HOÀNG PHONG

Tôi đang ngồi xem Thúy mặc thử cho Thu Nhi cái áo nàng vừa mới may xong thì Cận đến. Anh hiện ra nơi khung cửa, im lặng, nhìn chúng tôi với một vẻ hơi khác thường.

Thúy quay lại tươi cười:

– Kìa, chú Cận, lâu ngày.

Bây giờ Cận đi đến ngồi nơi đi-văng, trước mặt tôi. Anh nhìn tôi, nhìn Thúy, nhìn Thu Nhi, nhìn quanh gian phòng rồi chép miệng, thở dài. Anh vẫn thường thở dài như thế, và sau cái thở dài lại là một nụ cười hiền lành. Nhưng lần này, tôi không thấy nụ cười của anh. Tôi hỏi:

– Sao, có gì lạ không, Cậ?

Anh mím môi, giương mắt nhìn tôi và mỉm cười nhưng không nói gì. Thúy đã thắt xong cái nơ ở sau lưng cho Thu Nhi và nàng vui vẻ:

– Chú Cậ trông cháu Nhi có đẹp không? Áo của má cháu may cho cháu đấy.

– Vâng. Cháu Nhi đẹp lắm. Cái áo đẹp lắm.

Cậ chỉ nói thế và nhìn Thu Nhi với một nụ cười, nhưng anh không đến hôn cháu như mọi lần. Thúy bỗng nhìn Cậ với một vẻ do hỏi rồi nàng nhìn tôi và bế con lên.

– Thôi em đem cháu Nhi đi ngủ. Anh đưa chú Cậ ra ngoài vườn chơi mát rồi chút nữa em pha trà cho các anh.

Thúy nói rồi, ẵm con đi. Qua cánh vai nàng, tôi thấy đôi mắt Thu Nhi ngơ ngác nhìn Cậ.

– Ra ngoài này một chút cho mát, Cậ.

– Vàng.

Chúng tôi ra ngồi nơi hai cái ghế mây, bên gốc cây nhãn, gần nơi tầng cấp. Tôi để bao thuốc và hộp diêm trên cái bàn nhỏ đặt giữa hai các ghế.

– Thuốc, Cạn. Tôi nói.

– Không. Cạn lắc đầu, cảm ơn anh.

Cạn ngồi dựa ra đằng sau, chân duỗi thẳng, mặt ngửa nhìn lên trời, đôi mắt như lim dim. Thấy anh không muốn nói gì, tôi cũng để cho anh được yên tĩnh. Tôi cầm bao thuốc, rút một điếu rồi quẹt diêm, châm lửa. Và tôi cũng dựa người ra đằng sau, duỗi thẳng chân ra trước, lặng nhìn cảnh trăng xinh đẹp ở trong vườn. Vành trăng tròn lơ lửng trên nền trời. Trên mặt sân vàng mơ, những tán nhãn thấp và rộng in thành những bóng đen êm mát. Trong bóng lá xanh mướt, những hoa bưởi trắng nõn chúm chím mỉm cười như e lệ. Nơi vồng đất cao, ở giữa vườn, những đóa hồng hoa mơ mộng êm đềm. Bây giờ, tôi

nhìn ra những tàn me cao, lung linh, huyền ảo ở trước đường.

Cận là bạn thân của tôi từ thuở nhỏ. Tánh tình, đời sống chúng tôi khác nhau, nhưng không hiểu sao chúng tôi lại là đôi bạn thân thiết. Sau nhiều năm xa cách, bây giờ tôi mới gặp lại anh một năm nay. Thì anh cũng vẫn thế, vẫn là con người của những mộng tưởng xa vời. Hình như chẳng bao giờ thấy anh làm một công việc gì chắc chắn. Vì thế bao giờ cũng thấy, anh lao đao. Và làm được bao nhiêu thì tiêu đi bấy nhiêu cho nên chẳng dành dụm được một tí gì. Một người vợ sẽ giúp ích cho anh, sẽ sửa đổi được anh và anh sẽ xây dựng được một sự nghiệp nào, tôi thường nghĩ như thế. Nhưng mỗi lần tôi khuyên anh lấy vợ thì anh nhìn tôi một cách kinh ngạc. Anh hay nói:

– Ai mà lấy tôi. Có điên mới lấy tôi.

Anh nói thế với một vẻ khôi hài, nhưng tôi biết rằng anh chỉ mong có được một người vợ yêu anh, một gia đình êm ấm. Bởi vì tôi biết rằng

anh chỉ khổ với sự cô độc của anh, với đời sống vô định của anh. Tuy thế, điều anh nói không phải là không có lý. Một người con gái biết đắn đo, suy tính, dù có yêu anh, chắc sẽ không muốn làm vợ anh. Nhưng nếu tôi là một cô gái, chưa chừng tôi chịu lấy anh. Vì tôi biết rằng một khi đã nắm được trái tim anh thì tôi sẽ dẫn dắt anh đi theo ý muốn của tôi, tôi sẽ sửa đổi anh, tôi sẽ...

Tôi bỗng nghe tiếng Cận:

– Anh Văn, nhiều khi tới thật không hiểu gì cả.

– Anh không hiểu cái gì?

– Tôi không hiểu cuộc đời.

Im lặng một lát. Cận lại tiếp:

– Anh Văn, hơn một năm nay, nghĩa là độ gặp lại anh, tôi có yêu một người. Không hiểu sao ngày ấy tôi lại không nói với anh.

Thì ra lại là một chuyện tình. Cái vẻ mặt lăm lỳ của anh chỉ có thế. Tôi mỉm cười nói:

– Thì bây giờ anh nói cũng được. Có gấp gì.

– Không câu chuyện ấy đã xong rồi. Bây giờ tôi chỉ kể lại cho anh nghe một câu chuyện đã qua.

Tôi ném mẫu thuốc xuống đất và yên lặng chờ đợi.

– Anh có biết cô Thu chứ? Cạn nói.

– Cô Thu nào?

– Cô Thu ở trọ cùng một nhà với tôi. Anh có đến đấy mấy lần mà.

– Có, nhưng tôi không thấy cô nào cả.

– Thế có lẽ lúc đó cô ấy ở trong phòng hay là đi làm chưa về.

– Cô ấy làm gì?

– Làm thư ký cho một hãng buôn.

Bỗng có tiếng Thúy ở trong nhà đi ra. Nàng bưng khay trà để trên bàn, cầm bình rót nước vào tách rồi quay trở vào.

Cận nâng tách trà, uống một hớp:

– Tôi đến ở trọ cùng một nhà với Thu cũng đã hơn ba năm. Nhà ấy là nhà người cô của Thu. Bà cụ cũng dễ dãi, hiền lành. Hồi tôi đến thì Thu đã có ở đấy rồi. Một đứa em gái nhỏ ở cùng với nàng. Phòng của tôi đối diện phòng Thu.

– Thế cô ấy không còn cha mẹ, anh em gì?

– Cha mẹ Thu đều mất, Thu có hai người anh và một người chị đều đã có gia đình. Thu lại có một đứa em trai học ở Pháp, ngoài đứa em gái nhỏ ở với bà cô.

– Cô ấy là người thế nào?

– Thu người mảnh khảnh, nước da hơi tái xanh. Lặng lẽ, đôi mắt buồn không màu sắc, vẻ người hơi nghiêm trang. Trong những bữa cơm, nàng ít chuyện vãn. Ngoài ra, đi làm về nàng cứ quanh quẩn trong phòng, nằm trên giường nghe máy thu thanh. Thu cũng ít đi đâu. Những ngày nghỉ, thỉnh thoảng có một vài bạn gái hoặc bà con đến thăm, rủ nàng đi chơi. Nàng lại có chứng đau tim.

– Đau tim!

– Vâng, đau tim. Có nhiều đêm, bỗng nhiên, nghe tiếng nàng kêu lên thất thanh. Cả nhà chạy vào phòng nàng thì nàng nằm vật vã trên giường, tay chân run lấy bầy. Có khi nàng nằm mê man, không một cử động. gương mặt tái xanh. Cô nàng phải xúc đầu, đổ thuốc, xoa bóp cho nàng một hồi lâu nàng mới lai tỉnh. Hình như không bao giờ tôi thấy nàng cười, một nụ cười thật vui vẻ. Nàng ở trong nhà như một cái bóng mờ nhạt, lẫn khuất.

– Còn anh thời sao?

– Tôi. Tôi thì cứ đi luôn, ít khi ở nhà. Thường thường tôi chỉ có mặt trong những bữa cơm. Ngoài ra, những lúc ở nhà thì tôi vẫn trong phòng, đóng cửa lại. Tôi chỉ muốn được yên tĩnh một mình. Thành ra tôi chẳng có cơ hội nào để nói một câu chuyện gì thân mật với nàng. Thật ra thì không phải là không có. Ở cùng một nhà, tới muốn được gần gũi với nàng hơn. Nhưng vì nàng lặng lẽ quá cho nên tôi cũng e ngại. Cuối cùng tôi bỏ qua không để ý đến nàng nữa. Như thế, một năm qua.

– Thế đến năm thứ hai?

– Đến năm thứ hai tôi yêu Thu.

Tôi hơi mỉm cười nhưng không nói gì. Cận bỗng cúi đầu xuống rồi lại ngẩng lên, đắm chiêu nhìn vào bóng trăng. Một lát sau, anh lại tiếp:

– Tôi cũng không hiểu tại sao trong hai năm ấy, tuyệt nhiên tôi không thấy gì cả. Cho đến một lúc tôi bỗng lại yêu Thu.

– Thế câu chuyện bắt đầu như thế nào?

– Sáng hôm ấy là một sáng chúa nhật. Tôi ngồi tựa nơi cái ghế mây rộng ở trong phòng, và đang đọc một cuốn sách. Tôi bỗng nhìn ra nơi cánh cửa. Tôi thấy Thu đứng ở đấy. Hình như nàng sắp đi đâu. Nàng mặc một cái áo tím và lần đầu tiên tôi thấy nàng đánh sáo. Nàng nhìn tôi, mỉm cười và nói: « Xin lỗi anh, mấy giờ rồi, đồng hồ của tôi bị chết thành... » Tôi xem giờ rồi trả lời nàng. Thu nói cảm ơn rồi ra đi. Chỉ có thế. Và tôi lại cầm lấy cuốn sách. Nhưng chẳng hiểu sao, tôi không đọc được nữa. Tôi có một cảm giác là lạ mà tôi cũng không hiểu là cái gì. Rồi tôi cũng mặc áo quần đi dạo phố. Đi giữa đường, tôi mới hiểu. Lần đầu tiên, tôi thấy Thu nhìn tôi với một ánh mắt khác thường. Cũng lần đầu tiên tôi đã nhìn nàng một cái nhìn chan chứa. Và tự nhiên, tôi thấy Thu đẹp hẳn lên.

Cận lại im lặng nhìn ra trước. Một lát sau, tôi hỏi anh:

– Thế rồi sao?

– Bắt đầu từ đây, tôi yêu Thu.

Cận bóp chặt hai bàn tay lại rồi nói tiếp:

– Có lẽ tôi mù quáng. Tại sao ngày trước tôi lại không bao giờ thấy thế.

– Thấy sao?

– Từ ngày ấy, Thu biến đổi hẳn trước mắt tôi. Tôi thấy một cô Thu mới lạ. Một cô Thu xinh đẹp, vui vẻ yêu đời. Người nàng bỗng trở nên đầy đặn, nở nang. Tôi cũng không hiểu, nhưng sự thật là thế. Thu đẹp lắm. Nàng có những ánh mắt thật tình tứ, những nụ cười thật duyên dáng. Nàng ăn mặc và trang điểm rất thanh nhã. Trong cử chỉ, nàng có một vẻ trang trọng khả ái. Ngày trước, tại sao không bao giờ tôi thấy thế.

– Thế lúc bấy giờ, anh đối với nàng như thế nào?

– Từ độ ấy, tôi thường chuyện vãn với Thu. Nàng hay kể cho tôi nghe những chuyện về đời

sống của nàng hồi nàng còn cha mẹ, những chuyện về gia đình, những kỷ niệm ngày thơ ấu. Tôi cũng mời Thu đi xem chiếu bóng, đi ăn... Nhưng lúc nào cũng có một vài người bạn hoặc bà con của nàng cùng đi. Dần dần, tôi hiểu rằng Thu có một tâm hồn đa cảm nhưng đứng đắn. Nàng có óc thực tế nhưng cũng là một cô gái lãng mạn, nhiều mơ mộng.

Ngừng một lát, Cận lại nói:

– Có một điều, độ ấy tôi không còn thấy Thu đau tim nữa.

– Thế trước kia Thu đã yêu ai chưa? Anh có biết không?

– Có, trước kia Thu có yêu một người. Một buổi chiều tôi đi chơi về. Tôi có mua cho nàng mấy trái cam. Nàng vừa bị cảm phải nghỉ mấy hôm. Tôi vào phòng đưa cam cho nàng thì nàng đang nằm ở trên giường. Tôi ngồi lại nơi cái ghế nhỏ, nói chuyện với nàng. Đêm đã xuống, nhưng trong phòng chưa mở đèn. Trong bóng tối sâm

sắm của căn phòng, nàng bỗng kể cho tôi nghe câu chuyện tình của nàng. Hồi ấy nàng là một cô gái mới lớn lên, có tiếng đẹp ở một tỉnh miền Trung. Anh ấy là một sinh viên. Hai người yêu nhau. Mỗi tình đầu tiên của Thu. Đến hồi chiến tranh, anh ấy đi kháng chiến. Sau đó mấy năm, anh ấy bỏ nàng, lấy một người khác.

– Chắc cô ấy đã phải đau khổ nhiều?

– Thu không nói, nhưng hẳn là thế. Thu là người nhiều tình cảm, nhưng nàng có nghị lực và can đảm. Nàng thường giấu sự bông bột của mình bằng một vẻ lạnh nhạt riều cợt. Nhưng tôi biết, Thu là người đa cảm.

Tôi cười nói:

– Còn anh, hình như anh cũng đa cảm lắm.

Cận im lặng hớp một ngụm trà, rồi anh nói:

– Hồi ấy, tôi có mượn của một anh bạn đĩa nhạc « Đêm Trăng » của Beethoven, bản nhạc mà

tôi thích nhất. Những đêm sáng trăng, tôi thường nhờ nàng quay cho tôi nghe đĩa nhạc ấy vì tôi không có bàn quay đĩa. Thu cũng thích bản nhạc ấy lắm. Tôi cũng có cho nàng mượn xem một cuốn tiểu thuyết của một văn sĩ Anh, cuốn tiểu thuyết mà tôi yêu nhất. Thu cũng rất thích cuốn tiểu thuyết đó. Ngày sinh nhật của Thu năm ấy, tôi có tặng nàng một cái áo màu xám tro. Nàng mặc cái áo ấy trắng thật trang nhã, xinh đẹp.

Cận ngừng nói, khoanh tay lại trước ngực, nhìn ra trước. Trên trời cao, vành trăng tròn vẫn chơi vơi. Ở giữa vườn, những đóa hồng hoa vẫn mơ mộng êm đềm.

Im lặng một lát. Cận lại tiếp:

– Có những chiều tối, đi ngang qua trước phòng Thu, tôi thấy qua cánh cửa hé mở, trên chiếc giường rộng, tấm thân hình mảnh khảnh của nàng nằm sóng soài, lẻ loi, lạnh lùng trong bóng đêm. Có những đêm khuya, thức giấc một mình trong phòng vắng, tôi bỗng nghe từ bên phòng nàng, văng vẳng hai tiếng ho rời rạc, khô

khan. Một đêm hôm ấy tôi đi chơi về, đã khuya. Tôi ngạc nhiên thấy rằng phòng nàng vẫn còn ánh đèn và một cánh cửa vẫn còn hé mở. Tôi nhìn vào. Nàng nằm ngủ thiếp ở trên giường, đầu nghiêng trên gối, cầm nơi tay một cuốn sách, hơi thở đều đều. Thì ra nàng đã ngủ quên từ lúc nào. Tôi đứng như thế, nhìn nàng. Tôi muốn đi vào, hôn lên trên cánh tay nàng. Tôi muốn đem đến cho nàng sự sống của tôi, tình yêu của tôi.

– Thế lẽ tất nhiên Thu biết là anh yêu Thu.

– Cái đó đã hẳn nhiên.

– Thế Thu có yêu anh không?

Cận bỗng quay qua nhìn tôi, từ từ cúi xuống, bàn tay mân mê ở trên bàn. Một lúc sau, anh mới nói:

– Tôi không biết.

– Sao lại không biết?

Cận ngẩng đầu lên nhìn vào bóng trăng:

– Tôi còn nhớ rõ một buổi trưa hôm ấy. Tôi đi làm về và tôi vừa đi lên hết thang lầu. Tôi nhìn nàng và mỉm cười. Thu cũng nhìn tôi và mỉm cười. Một nụ cười tươi tắn, như sung sướng và một ánh mắt gần như âu yếm. Có một buổi tối, tôi đang ngồi ăn cơm, Thu ngồi trước mặt tôi. Một lúc, không biết tôi nói điều gì, tôi bỗng thấy Thu nghiêng mặt về một bên, đưa tay lên chống lấy cằm và đôi mắt nàng cười, mơ màng, tình tứ.

Cận lại cúi đầu xuống, yên lặng. Tôi cầm bình trà rót đầy tách của anh.

– Tại sao lại đau khổ, anh Văn. Cận lại nói. Chính trong lúc mình hy vọng, mình cũng đã đau khổ rồi. Tôi đặt quá nhiều hy vọng ở Thu trong lúc tôi không có gì cả. Tôi cũng thấy cuộc đời tôi bấp bênh, vô định quá. Nhưng cùng chính vì thế mà tôi đã đặt bao nhiêu hy vọng ở Thu. Nhưng tôi không bình tĩnh, tôi không bình tĩnh như anh. Thật ra, nhiều khi tôi mất hết cả hy vọng.

Tuy thế, tôi chưa đầy ba mươi tuổi. Tôi chưa biết hạnh phúc là gì.

– Nhưng rồi sau...?

– Rồi sau, lẽ tất nhiên là tôi phải quyết định. Thu cũng thấy thế. Nàng bỗng trở nên lặng lẽ, như có vẻ suy nghĩ. Nhưng tôi thì không muốn kéo dài hơn nữa cái tình trạng chỉ làm tôi thắc mắc. Tôi muốn có một cái gì chắc chắn ở tình yêu của Thu.

– Thế rồi sao?

– Thu có một người anh bà con làm thuyền trưởng một chiếc tàu buôn. Đêm hôm ấy, anh ta mời Thu và tôi cùng với vài người bạn nữa, xuống ăn cơm ở dưới tàu của anh. Ăn cơm xong, chúng tôi đều lên hóng mát trên boong. Một lúc sau, mọi người đều đi xuống khoang dưới. Chỉ còn lại một mình tôi với Thu. Chúng tôi đứng tựa người nơi lan can nhìn ra những cánh đồng bên kia sông. Thu mặc một cái áo màu xanh nhạt. Nàng có một vẻ trang trọng, yêu kiều. Tôi thấy đã đến lúc tôi

có thể nói với Thu. Tôi ấp úng nói: « Thu, tôi có một điều muốn nói với Thu ». Tôi bỗng nghe bên tai tôi một tiếng nói dịu dàng nhưng có vẻ cương quyết: « Anh Cận, tôi thấy hình như anh không nhất định làm một việc gì ». Ấy thế, Thu nói thế. Trong lúc tôi định nói tất cả tình yêu của tôi đối với nàng thì nàng đem chuyện làm ăn ra nói với tôi.

Cận đưa bàn tay lên cầm, cắn lấy một ngón tay. Rồi anh tiếp:

– Lẽ tất nhiên. Thu có lý. Chỉ có tôi là ngu xuẩn. Anh biết tôi nói với nàng thế nào không? Tôi nói như một người mê sảng: « Thu, tôi muốn trở nên một thi sĩ. Thu, tôi sẽ thành công. Tôi sẽ đem đến cho Thu những gì tôi mong ước có thể đem đến cho Thu... » Và như thế, tôi nói ra tất cả những lý tưởng, những mộng mơ xa xôi của tôi. Bỗng nhiên, như sực tỉnh, tôi quay mặt nhìn nàng. Dưới ánh sao, tôi thoáng thấy nét mặt căng thẳng của nàng, ánh mắt kinh hãi của nàng. Lúc ấy, tôi mới thấy tất cả cái trống rỗng của những điều tôi vừa nói. Hai tay nắm chặt lấy bờ lan can,

tôi nín lặng nhìn xuống dòng nước trôi đi ở dưới. Tôi muốn lao mình xuống dưới ấy, lặng chìm, biến mất. Tôi vừa thấy rõ sự thật. Tôi đã đánh vỡ tình yêu của tôi, hạnh phúc của tôi.

Nói xong. Cận ngồi yên, im lặng nhìn ra trước. Tôi mơ màng nhìn ngắm cảnh vườn. Thì ra Cận muốn trở nên một thi sĩ. Tôi mới vừa được biết như thế. Nhưng tôi cũng chẳng thấy ngạc nhiên là bao.

Uống một ngụm trà, tôi lại hỏi Cận:

– Thế cô Thu không nói gì?

– Thu vẫn nín lặng, đứng yên. Vừa sau đó, mấy người bạn trở lên. Một lát sau, chúng tôi trở về.

– Thế rồi sao?

– Tôi cố gắng sống với Thu như đã không có gì xảy ra. Hai tháng sau. Thu trở và Trung. Thu có người anh ở ngoài ấy.

Một hồi sau, Cận lại nói:

– Tôi chỉ muốn quên, anh Văn. Nhưng, hồi chiều...

– Hồi chiều thế nào?

– Hồi chiều, tôi gặp một người bạn gái của Thu. Chị ấy nói với tôi rằng, chị biết Thu yêu tôi. Thu yêu tôi từ năm đầu, từ lúc tôi đến ở cạnh Thu.

Chúng tôi ngồi yên, ấ: lặng, trong bóng trắng. Nơi góc vườn, những cánh hoa buổi trính trắng vẫn chum chim mím cười trong bóng lá. Tôi không biết phải nói gì với Cận. Tôi muốn an ủi anh. Tôi cầu mong cho anh có thể trở nên được người thi sĩ mà anh mơ ước. Nhưng tôi cũng muốn cho anh khỏi phải sống cô độc như thế.

Bỗng có tiếng Thúy ở trong nhà đi ra. Nàng đến đứng cạnh tôi rồi nói với Cận:

– Anh Cận tối nay ngủ lại đây nhé. Tôi đã làm mừng cho anh nơi đi-văng rồi.

Cận đứng dậy vừa nói:

– Thôi cảm ơn chị. Tôi cần phải đi bây giờ.

– Còn sớm, ngồi chơi đã, đi đâu vội. Tôi nói.

– Thôi thôi, cũng đã khuya rồi.

Thúy lại nói:

– Thế chúa nhật anh xuống chơi. Xuống đi về quê với chúng tôi.

– Vâng, chúa nhật tôi sẽ xuống. Thôi, xin phép chị.

Cận bắt tay tôi rồi bước nhanh ra ngõ. Thúy nhẹ nhàng đặt bàn tay nàng lên vai tôi. Nàng hỏi:

– Có chuyện gì không, anh?

120 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Không hiểu sao, tôi nói:

– Không, chẳng có chuyện gì.

Và tôi nhìn theo bóng Cạn thấp thoáng trong
bóng trắng ngoài hàng dậu.

LÝ HOÀNG PHONG

NHẬN XÉT VỀ HỘI HỌA TRỪU TƯỢNG

THÁI TUẤN

 HÚNG TA không thể thưởng thức một bức tranh bằng tai, và chúng ta cũng không thể nghe một bản nhạc bằng mắt trừ ra khi nào tranh làm bằng âm thanh, và những bản nhạc làm bằng màu sắc. Cho nên nói đến nghệ thuật hội họa là nói đến hình thể và màu sắc. Và nói đến hình thể, màu sắc là nói đến thiên nhiên, tạo vật trên trái đất hiện chúng ta đang sống. Tư tưởng chúng ta dù trừu tượng tới đâu, khi làm việc về hội họa chúng ta cũng bắt buộc phải biến nó thành đường nét, màu sắc. Đường nét và màu sắc ấy phải vay mượn của thiên nhiên, tạo vật. Tự chúng ta không thể có được đường cong hay nét thẳng, màu xanh hay màu vàng đều chứa đựng

trong thiên nhiên.

Một tác phẩm hội họa phải là một sản phẩm của tư tưởng của tình cảm và đồng thời cũng là sự kết luận của thị giác. Chúng ta chỉ có thể diễn đạt những cái trừu tượng, bằng những vật liệu rất thực. Một bức tranh không phải chỉ có những đường nét mơ hồ, những hình thể huyền ảo mới diễn đạt được cái trừu tượng. Có thể trong một bức họa có những hình thì rất rõ ràng, thí dụ một bức chân dung vẽ đủ cả chi tiết nhưng nó có thể diễn tả một tư tưởng hết sức trừu tượng. Không phải muốn diễn là một ý niệm, một tư tưởng chừng ta phải vẽ người trong tranh chỉ có một mắt hay ba cái mặt là có thể thành công. Cũng như chúng ta muốn diễn tả một thực tế, không phải chúng ta cứ vẽ đầy đủ mọi chi tiết như một cái máy ảnh là đã nắm được hết sự thực.

Trong địa hạt hội họa nói đến diễn tả không phải là chép lại thiên nhiên, nhưng không phải vì vậy mà ta có thể chối từ mọi hình thể của thiên nhiên. Chúng ta không bắt chước thiên nhiên.

Nhưng phải vay mượn những hình ảnh của thiên nhiên để diễn đạt. Trong sự vay mượn, tất nhiên là có sự biến đổi. Chúng ta biến đổi thành những của cải riêng của chúng ta, biến đổi sắp đặt lại một phong cảnh tâm thường, theo lý tưởng của chúng ta, theo nhận xét chủ quan của chúng ta.

Họa sĩ Gauguin suốt một đời đi tìm những cái đẹp trên đảo Tahiti, suốt một đời săn đuổi những hình ảnh hoang vu, những thơ mộng của hòn đảo. Họa sĩ đã đến và đã sống ở đó để tạo nên những tác phẩm bất hủ. Nếu họa sĩ đến trên đảo để vẽ đúng như một cái máy chụp hình thì chắc chắn đã thất bại. Và nếu cứ ngồi nhà mà muốn diễn tả cảnh trên đảo thì chắc chắn cũng khó lòng mà thành công.

Sự tự do của nghệ sĩ cũng có giới hạn. Vì nghệ sĩ không phải là ông trời. Tất cả vật liệu, vật chất để xây dựng tác phẩm đều do thiên nhiên, tạo vật và tinh thần cung cấp. Chúng ta chỉ có việc nhận lấy để hoàn thành công việc với mọi thứ (tư tưởng trừu tượng, nói mọi thứ tưởng tượng).

Giữa nghệ thuật hội họa và thực tế vẫn luôn luôn có sự liên hệ. Họa sĩ không thể xóa bỏ đến gốc rễ mọi thứ trong vũ trụ, thiên nhiên để tạo ra một cái mới. Và chắc chắn không ai nghĩ tới việc đó, vì chính một bức họa cũng đã là một thực thể, vật chất.

Hiện nay trong thế giới hội họa có những sự tranh luận gắt gao giữa hai luồng tư tưởng.

Một bên chủ trương muốn diễn đạt tư tưởng trong một tác phẩm hội họa cần phải có những hình thể thông thường, cụ thể, mọi người có thể nhận được, ví dụ: muốn diễn tả một tâm trạng buồn rầu thì phải diễn tả qua một con người, hay một cảnh vật nào đó v.v... Nhưng, con người mà nghệ sĩ mượn để tả tâm trạng mình phải là một con người thường như mọi người (không phải là một quái thai ba đầu, sáu mắt) qua cái hình ảnh con người đó, nghệ sĩ phải làm thế nào cho người thưởng thức tranh thấy được các tâm trạng buồn rầu.

Một phái chủ trương rằng: diễn tả một trạng thái tâm hồn, một tư tưởng là những thứ trừu tượng, thì tốt hơn hết là dùng những đường nét, hình thể không nói lên một hình ảnh nào giống với thiên nhiên (hình thể không hình ảnh). Trong bức họa người xem không cần phải thấy cây cối, nhà cửa, con người, nhưng chỉ nhận thấy một mớ màu sắc, đường nét. Và qua những thứ đó sẽ nhận thấy một tâm trạng buồn rầu mà họa sĩ muốn diễn tả.

Hai phái đó, phái nào có lý hơn. Thực khó mà quyết định nhưng chúng ta thử tìm hiểu trong mỗi phái đã suy luận như thế nào khi chủ trương như vậy.

Phái thứ nhất, chủ trương phải mượn hình ảnh của thiên nhiên, của cuộc đời để diễn đạt những điều mình mang muốn diễn tả. Chủ trương như vậy là họ đã căn cứ vào cái nhìn của con mắt, của thị giác để mang đi từ cái vỏ vật chất bên ngoài vào các phần trừu tượng vô hình bên trong.

Phái thứ hai; chủ trương rằng không cần đến hình ảnh thiên nhiên vì họ căn cứ vào cái nhìn của tâm hồn, của bên trong tư tưởng. Họ mong muốn đi trực tiếp từ bên trong, từ cái phần trừu tượng vô hình đến tư tưởng của người thưởng thức. Khi xem một bức tranh của nhà danh họa Picasso. Dưới bức họa một dòng chữ chú thích: “người đàn bà mặc áo xanh ngồi trên ghế bành”, Christian Zervos đã có thêm lời phê bình như sau: « Quái vật, người ta đã bảo như vậy, quái vật rất có thể, nhưng đẹp một cách kinh khủng và thật là nhân loại với một cách nhìn sâu sắc và tàn nhẫn. Tôi thấy bức tranh tuy vậy vẫn căn cứ vào hình ảnh của thiên nhiên để biến đổi theo ý muốn. Vì trong đó người xem tranh có thể nhận thấy mơ hồ hình ảnh một người đàn bà (dù không có mũi vừa quay nghiêng vừa nhìn thẳng) mặc áo xanh với chiếc ghế bành. Bức tranh đã làm tôi suy nghĩ nhiều. Khi sáng tác bức họa, Picasso đi từ cái nhìn bên trong, cái nhìn của tâm hồn để diễn tả. Nhưng người xem tranh cần phải dùng thị giác để thu nhận cái nhìn bằng tâm hồn của Picasso.

May mắn ra mà thu nhận được, thì cũng phải xây dựng lại bằng tư tưởng một hình ảnh quen thuộc của thị giác. Nghĩa là sáng tác về hội họa dù là trừu tượng hay cụ thể cũng phải dùng đến thị giác và vận dụng đến cái nhìn của tâm hồn. Con mắt là một tên gác cửa. Nó làm được việc hay không là do tâm hồn ta huấn luyện cho nó, nếu không, bất cứ một người khách nào tới nó cũng sẽ đưa vào để tâm hồn ta tiếp chuyện.

Nếu họa sĩ sáng tác không cần đến các màu sắc mà chỉ dùng đen trắng để diễn tả, thì có lẽ sự lệ thuộc vào vật chất sẽ giảm bớt đi một phần nào. Có thể thu gọn một hình thể và một tâm hồn vào bột bút chì như Matisse đã làm. Sự giản dị hóa lối vẽ không phải là mục đích của nghệ thuật, nhiều khi nó chỉ là một phương tiện để giúp cho thị giác nhận thức dễ dàng mau chóng. Nhưng đơn giản hóa trong nghệ thuật hội họa cũng có giới hạn. Không phải chỉ vẽ đen trắng hay là dùng rất ít nét (đơn giản hóa sự vật đến một mức cùng) là họa sĩ có thể diễn đạt dễ dàng. Họa sĩ cũng không phải là một tên đầu bếp khéo

cần phải nhớ những công thức pha màu thật cần thận để đánh thành những nước sốt đỏ, nước sốt xanh. Rồi cứ thế phết lên tác phẩm, để tạo nên những cân đối hòa hợp về màu sắc theo mốt của một thời đại, mà chẳng diễn tả nổi một cái gì.

Cho rằng lối vẽ trừu tượng là một cách đơn giản hóa sự vật là nhầm. Không phải chỉ có bóng tối và ánh sáng mới tạo nên được bề sâu và bề dày của mọi vật. Những đường nét không, cũng gọi cho ta cảm thấy bề sâu, bề dày của sự vật. Những hình thể, màu sắc ở trong một bức họa, không chỉ để đánh lừa con mắt, nhưng chỉ cốt gọi cho trí tưởng tượng của người xem tranh được phong phú hơn và đúng với mức mong muốn của nghệ sĩ.

Hồi nhỏ tôi đã từng nghe một câu chuyện: một họa sĩ vào trọ ở khách sạn, khi đã hết tiền lên vẽ vào tường cái va li, rồi gọi ông chủ khách sạn đến chỉ cho ông ta. Ông chủ tưởng là một chiếc va-li thật, nên để cho họa sĩ gửi lại. Va li vẽ mà

tưởng là va li thật thì kể ra cũng tài tình. Nhưng như vậy có phải chẳng là nghệ thuật. Theo tôi tưởng, đúng hơn nên gọi là ảo thuật chứ không phải nghệ thuật.

Nói đến hội họa là nói đến sáng tạo. Sáng tạo không phải là chép lại sự vật, bắt chước đúng như thiên nhiên, vì nói đến sự bắt chước là nghĩ đến chuyện “làm giả”. Làm bạc giả, làm rượu giả, thuốc giả hay giả thiên nhiên thì cũng vậy.

Tác phẩm hội họa nào cũng bắt buộc phải gồm có một phần rút ở sự thực và một phần lý tưởng. Vậy, cái phần thực ở hội họa là gì? Thí dụ một bức họa về một người. Sự thực ở đây không phải là con người bằng xương bằng thịt những chỉ là hình ảnh của con người nói chung. Nghĩa là khi họa sĩ nhìn một người nhận lấy cảm xúc do con người đưa lại, cộng thêm vào đó phản ứng của tâm hồn mình, tư tưởng mình. Đó là cái thực, một cái thực chủ quan. Cái phần thứ hai là cái phần lý tưởng. Khi đã thu nhận được

cái phần thực của chủ quan mình thì trí tưởng tượng của nghệ sĩ nương theo đấy, lấy đấy làm cái điểm khởi hành để xây dựng, và thực hiện một ý niệm, một lý tưởng mong muốn.

Bởi vậy những ai nghĩ rằng sáng tác một bức họa theo lối trừu tượng, không cần đến cái thực, bất chấp cả thiên nhiên, tạo vật là nhầm lẫn. Không phải rằng: với một số màu sắc rực rỡ, với một số dụng cụ đầy đủ và với một đầu óc trống rỗng là có thể tạo nên được một tác phẩm trừu tượng. Một bức họa (nếu có thể gọi được như vậy) trôi nổi trong trường hợp như vậy chỉ có giá trị ngang với một lá bùa của một ông pháp sư.

Sáng tác theo lối trừu tượng cũng không phải là tách rời trái đất, cuộc sống của nhân loại để nhảy lên thượng tầng tinh khí mà làm công việc nghệ thuật, hội họa. Nghệ sĩ chân chính bao giờ cũng không quên nguồn gốc mình trên mặt trái đất. Sở dĩ họ có tạo ra, một thế giới mới lạ, thì cái thế giới đó cũng bắt nguồn ở cái thế giới hiện

tại họ đang sống. Những nhân vật dù có kỳ quái đến đâu do sức tưởng tượng của họ cũng không phải là những bóng hình hoàn toàn trừu tượng. Những nhân vật quái đản như của Chirlco hay của Picasso thì cũng vẫn mang nặng hình ảnh của muôn loài trên trái đất. Những nhân vật đó nghệ sĩ đã phải nuôi dưỡng bằng máu, bằng óc của mình để được nhào nặn trong một thực tế vật chất. Họ chẳng bao giờ có tư tưởng quá điên rồ là cạnh tranh với Thượng Đế để rồi phá sản trong nghệ thuật.

Làm thế nào cho mình có một quyền năng như Thượng Đế, để kéo ở quảng trống không ra một thực tế vật chất, một hình thể, một màu sắc hay một tư tưởng. Giỏi lắm, thì họa sĩ cũng chỉ có thể độ tài với chính cái thế giới mà họ đang sống và thêm cho nó những nhân vật mới lạ, gợi ý cho nó một sinh hoạt lý tưởng: dùng cái của nó sẵn có, mà trả lại cho nó sau khi đã được biến đổi. Ở trong một cái thế giới mới do họa sĩ tạo ra, các nhân vật kỳ dị mà họa sĩ thả vào đấy dù có được

132 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

một số người đời hoan nghênh tới đâu, thì bao giờ cũng chỉ là câu chuyện “những mẫu mực để thí nghiệm”. Tác phẩm bao giờ cũng để lại những dấu vết bất lực và cô độc cho kẻ sáng tạo.

THÁI TUẤN

TẠI SAO KHÔNG?

*Phải chăng đời người đáp những chuyến tàu không
bao giờ có về*

Những chuyến tàu mệt là không có lấy một nhà ga

*Cửa sổ toa mở ra khung trời siêu hình tiếp không
khí*

*Những vùng mây phong hải làm đui mù các ngôi
sao*

*Bởi vì chúng nó ném bạo tàn vào lòng người cũng
như đói rách vào thành phố*

Buộc những kẻ ngây thơ cầm vũ khí giết ngây thơ

Chúng ta cúi đầu trả đất giá khí trời

134 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Ngón tay bật móng và cổ họng thất thanh

*Cuộc đời phải chẳng là vườn tược cấm oằn trĩu
trái đau khổ*

Mà các dấu răng cắn không riêng gì của Adam

Dấu chúng ta đốt rừng hoang làm rẫy bãi

*Cất nhà thương học đường thư viện trồng cây cối
dọc bờ sông*

*Dấu chúng ta sống như câu ca dao kể một chuyện
tình*

Để tin sự hứa hẹn của một ngôi nhà có trẻ con

*Dấu chúng ta mong gửi gắm kỷ niệm cho vườn
hoa bằng các buổi hẹn hò*

*Hay đi dạo trong đồng cỏ lụa là vào những chiều
rộng rãi*

*Nên chúng ta hỏi thăm nhau tại sao và tại sao
không?*



Tôi là Tô Thùy Yên là thi sĩ là người chép sử tương lai

*Vốn học hành dang dở nên ra đứng bờ cuộc đời
ngó xuống hư vô*

Khi mùa hạ đốt bùng lên những hàng đuốc phượng

*Từng làm ít nhiều chuyến đi vì sinh kế hay vì gi-
ang hồ bằng xe hơi xe lửa hoặc bằng chân.*

*Đã trải qua vài ba cuộc tình duyên bao giờ cũng
đáng buồn nên không thích kể.*

Có sống ngoài chiến khu nên rồi bỏ Việt Minh

*Đến cất lời ngợi ca cuộc đời xứ sở anh em ái tình
thịnh trị*

*Và chỉ cất lời ngợi ca cho người sành điệu muốn
nghe*

*Cha mẹ tôi cho con tính tình rộng rãi. Tôi cho thêm
tôi một chút ngang tàng*

136 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Nên coi tâm hồn là một cánh đồng không cấm đoán không mời mọc Người ta tự do ra vào và toàn quyền chặt phá hoặc nâng niu

Nên tôi làm thơ theo ý riêng tôi. Còn báo chí có thông lệ đăng bài ký tên người trích lục

Và họ bảo sao viết Cánh Đồng Con Ngựa Chuyển Tàu? Họ chỉ được mặc suốt đời mỗi bộ đồng phục

Còn làm thơ theo ý riêng tôi nghĩa là dịch thuật tâm hồn nghĩa là nói về con cháu chúng ta

Nghĩa là ngợi ca loài người hiền hậu

Nghĩa và thúc giục đám đông nổi loạn chống cường quyền

Nghĩa là nghe ngóng nơi đại dương còn chiêm thiếp cuộc sửa soạn âm thầm cầu bao cơn sóng cuồn cuộn vạm vỡ

Nghĩa là cả mặt trong mọi hành vi lớn nhỏ của đời mình

Nghĩa là giúp mọi người sống đủ hai mươi bốn giờ mỗi ngày nghĩa là giúp họ tìm thấy họ.

TÔ THÙY YÊN

CẢM XÚC

Tôi ghen buồn đêm bệnh viện

Lạnh lạnh nhà đứng trắng

Người bệnh thiếp lần chần

Mắt im vội làn thờ

Phút cuối giây dựa chốn ngừng

Tôi mang cười đêm bệnh viện

Nhạc khóc vô tội

Hồn sơ sinh

Nàng níu tay mẹ cảnh xuân

Chào lòn dương thế

Chết sống kẻ vai

138 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

Bình xuôi những chuyến đời

Người bộ hành bỏ ngõ

Lạc hướng ngọc lệ hoa môi

Đốt lửa tim

Đời trọn vẹn trong mắt.

THÂN THANH HIỆP

ĐOÀN VĂN

SỚM MAI

THANH TÂM TUYÊN

THÔI THƯỜNG tôi dậy muộn; Ít nhất cũng phải bảy tám giờ sáng mới mở nổi mắt. Hôm nay lúc tôi thức giấc còn tối thui. Với tay lên bàn để ở đầu giường lấy cái đồng hồ, tôi biết chẳng thể tìm lại được giấc ngủ. Màu xanh dạ quang chỉ đúng bốn giờ. Nằm yên một lát tôi đành ra khỏi giường.

Tôi thức dậy vì một giấc mơ êm đềm và đau đớn. Trong mấy năm gần đây — tôi biết mình mắc bệnh thần kinh – giấc ngủ của tôi hằng ngày rất mệt nhọc, xáo trộn những hình ảnh hung dữ quỷ quái. Hiếm khi giấc mơ hiền từ trọn vẹn một mình nằm với tôi như buổi nay. Bởi thế tôi đau

đón. Người tình cũ — đã lập gia đình, đến thăm tôi. Nàng ngồi nói chuyện cùng tôi thật lâu, hỏi thăm về sự nghiệp của tôi, con đường tôi theo đuổi. Tôi nhìn nàng đã có mang đứa con thứ hai tôi hỏi:

– Em sắp sinh đứa con thứ hai?

Nàng mặc áo dài đỏ và khoác áo choàng trắng mỏng. Tôi nói tiếp:

– Em sẽ sinh con gái nhé, lần trước con trai rồi.

Rồi nàng ra về lúc nào tôi không rõ. Tôi mặc quần áo và đuổi theo nàng. gặp ở cuối phố. Nàng đi cùng mấy đứa em nhỏ. Tôi kêu nàng và muốn nàng trở lại nhà tôi để tôi tặng nàng một cuốn sách của tôi. Nàng nói với các em:

– Đợi chị một phút.

Tôi tiến đến gần và nói:

– Đợi chị hai phát.

Tôi giờ hai ngón tay làm dấu. Nhưng khi sát gần mặt nàng thì đó là bộ mặt đàn ông đáng ghét — hình như một đứa bạn của tôi. Chúng tôi quay về nhà. Tôi nói:

– Rồi anh sẽ đưa em ra xe.

Nàng trả lời:

– Không thể được.

Tôi bước lên cầu thang nặng nhọc không hiểu nàng còn theo sau không. Mở tủ kiểm sách, tủ trống trơn. Tôi quơ tay trong cái trống trơn ấy để tỉnh dậy.

Giấc mơ khiến tôi buồn nhiều hơn vì gần đây tôi cũng vừa yêu một người đàn bà có chồng. Chúng tôi chỉ gặp nhau bai ba lần rồi thôi, một vài câu chuyện tâm sự hoặc quá nữa – theo trí tưởng tượng của tôi – một vài giọt nước mắt.

Tôi nằm xuống sàn gạch cho nguội thân thể. Tôi hết hồn và nguyên rửa cái kiêu ngạo dần dần của tôi. Lần thứ nhất được yêu, tôi lại mê mải chạy theo những biến chuyển bên ngoài – những biến chuyển lịch sử – tự cho mình cái nhiệm vụ dự vào lịch sử. Mỗi tình tan vỡ với bốn bức thư dài tha thiết xâu xé. Người tình vừa đến thăm tôi trong giấc mơ, tôi quên vì còn bận chui đầu vào sự giác ngộ to lớn của người trí thức, kẻ cầm bút. Sau những phút điên cuồng của hành động, bây giờ tôi tro trọi hai bàn tay trống không. Lịch sử: nào tôi biết được gì hơn? Tất cả vượt ra ngoài tầm sức của các cá nhân hèn mọn.

Tôi thường ngủ với sự bơ vơ giữa sa mạc. Nếu có điều gì tôi giác ngộ nhất thì đó phải là: sự giác ngộ đưa tôi đến cảm giác cô độc vĩnh viễn (Người ta hỏi: Còn những người bạn đường? Mỗi người là một cô độc, được nối liền với nhau. Đừng tìm cách hòa tan sự cô độc, đó là một định luật. Âu cũng là cái nghiệp như vậy. Tôi viết dòng này sau buổi sớm mai).

Để thoát ám ảnh, tôi ra khỏi nhà. Trời mờ mờ. Cây ổi lao xao. Từ xa tôi trông thấy ánh đèn cái hàng quán độc nhất trong xóm đã tắt, nhưng cửa vẫn đóng. Tiếng kéo nước ngoài giếng – người ta kéo bằng dây luồn qua ròng rọc. Tôi chắc cái ròng rọc quay to. Khi qua giếng tôi gặp người gái điếm kéo nước một mình, áo hoa lớn không rõ màu... trời chưa sáng – quần lãnh đen. Cô làm việc hăng hái, tiếng nước đổ xuống thành giếng thật vui. Thấy tôi qua cô cúi đầu chào và bắt buộc tôi phải đáp lễ. Tôi vẫn khó chịu vì sự có mặt của một người gái điếm ở trong xóm. Một lần cô sang nhà tôi hỏi mượn cái kềm, tôi đã sẵn giọng nạt. Tôi thường gặp cô ở trên phố áo mặc diêm dúa đón khách và tôi đã có ý muốn cô bị bắt nhất cho rồi.

Gió mát lạnh, người gái ấy vẫn kéo nước. Có tiếng thùng sắt đặt xuống và những lời nói chuyện tự nhiên. Lòng tôi dịu lại và phổi thở không khí buổi sớm. Tôi nhận rằng không còn gì thắc mắc về sự có mặt của cô gái điếm trong xóm nữa.

Tôi đã sát vào một cửa sổ đầy ánh sáng. Một cậu học trò cắm cúi làm bài vở, kỳ thi sắp sửa đến rồi. Trong một căn nhà lá thấp, tiếng tụng kinh đều đều già cả, “Đại từ đại bi”, “Cứu khổ cứu nạn”.

Tôi tự hỏi tại sao tôi chưa là người thân thuộc của cả khu xóm vắng nhỏ này.

Ngoài lộ hàng quán đã mở. Dưới ánh điện người ta quây quần xung quanh ly cà phê. Tiếng rì rầm và thỉnh thoảng lẫn tiếng nổ của xe máy. Những chuyến xe thổ mộ chất đầy đến mui mang một ngọn đèn dầu phía trước chạy thủng thẳng. Vó ngựa giòn trên nhựa. Những chuyến xe đò từ tỉnh xa về ngang – có lẽ là những chuyến đầu tiên – trên xe đèn sáng và ấm biết mấy. Tôi nhớ ngày bỏ Biên Hòa về đây, tôi đã ngồi trên chuyến xe thổ mộ cũ kỹ nào với vài món hành trang đi vào trời còn đêm. Khoảng bốn giờ sáng, bác xe được dặn hôm trước tới đánh thức tôi. Chúng tôi qua những vườn cao su tối, những con đường ngoằn nghèo cao thấp cũng với ngọn đèn tù mù treo

bên tay xe. Tiếng khếch khếch trong miệng người đánh xe và những ngọn roi vút lên mũi thiếc nghe lạnh lạnh. Tôi ngủ gà ngủ gật và đến nơi trời vừa sáng. Kỷ niệm thức dậy như những lá cây bắt đầu xòe ra. Trời dần sáng. Qua sân vận động – một miếng đất hoang mới được phạt cỏ và trồng sơ sài vài tay đu – người ta cởi trần tập thể thao và đá banh. Tiếng banh dội khô khan trong khoảng trống lớn của ban mai.

Tôi còn đi một vòng lớn của ngoại ô này. Nhiều lớp nhà ngủ ngon lành bên đường nhỏ và hiu quạnh. Nhà nào cũng đều có hàng đậu và cây cối. Lá cây thì xanh tươi và no gió. Tôi thích thú với ý nghĩ khi ngó cái mương xum xuê cỏ ướt: làm sao tôi không ngủ ở đây mà ngắm trời sao. Trở về nhà, tôi xối nước tắm ào ào. Nước lạnh đánh thức tôi lần nữa: tôi nhớ hôm nay ngày chủ nhật. Tôi sẽ lên thăm đứa bạn có bộ mặt đáng ghét hiện lên trong giấc mơ êm đêm và đau đớn.

CƠN THUYỀN GIẤY

KIÊM MINH

Sau khi phim *Le Ballon Rouge* chiếu nhiều lần ở đây, tôi được thấy một chuyện hơi ngộ nghĩnh xảy ra: một số người lớn đua nhau mua bong bóng màu đỏ cho con nít chơi.

Người ta đã hiểu rất cạn một chuyện phim rất thâm thúy. Nhiều ký giả điện ảnh cũng chỉ cho rằng *Le Ballon Rouge* là một phim của nhi đồng; theo họ, đó là một phim có ý nhắc nhở cho các bậc phụ huynh nên để ý đến những điều vui thích của các em tuổi nhỏ.

Dưới mắt tôi, tôi thấy rằng *Le Ballon Rouge* là một phim triết lý.

Em bé trong phim có khuôn mặt dễ thương quá. Em bé đó là hình ảnh của mỗi chúng ta, sống mà có ôm ấp một cái đẹp, để rồi tìm được nó và muốn cầm giữ lấy nó mãi. Vì nó cũng rất cần thiết cho cuộc đời của chúng ta.

Những bước chân chạy rền vang tiếng đế giày của em bé trên đường, ấy là tiếng đập của trái tim chúng ta khi chúng ta có mang theo ở tâm hồn mình một niềm vui nào đó: một mối tình, một hoài bão, một ánh sáng của tương lai loé lên ngay trong hiện tại. Chúng ta nuôi cái niềm vui đó, làm cho niềm vui đó càng ngày càng sáng lên trong lòng chúng ta. Mỗi chúng ta đều không muốn có kẻ nào khác chà đạp lên niềm vui của mình. Chúng ta muốn được mang nó mà đi giữa cuộc sống để mà cười trong mắt, để mà cười trên môi, cười bằng cả trái tim chúng ta. Tôi nghĩ rằng người không ôm ấp một cái gì sáng sủa trong hồn mình sẽ thấy mình già cỗi, người đó mới chính là người cô độc dù cho đi giữa sự náo nhiệt của đại lộ.

Hồi tôi còn nhỏ, tôi thường xếp thuyền giấy để thả trên mặt sông. Nhìn thuyền trôi, tôi tưởng nó đang đi mang tôi theo để cho tôi quên những giờ phút buồn đau, những điều phiền khổ mà tôi thường gặp phải. Nhìn thuyền trôi, tưởng nó đang đi vừa mang tôi đến một chân trời tươi thắm.

Thời đó, có một cô bé cười rung cả tóc đẹp khi nhìn tôi thả thuyền trên mặt sông. Cô bé ấy mồ côi, ở với một người chị họ, mặc thường rất buồn, trừ phi lúc nhìn thuyền giấy của tôi chập chờn trên mặt nước.

Tôi còn nhớ một hôm cô bé nói:

– Nhưng muốn chiếc thuyền đó chở Nhung đi!

Bấy giờ đôi mắt Nhung sáng lên, sáng lên hơn bao giờ cả. Gió buổi mai thổi tóc của Nhung bay bay. Gió thổi tóc Nhung, nhưng tôi cho chính niềm vui đang đùa với những sợi tóc của cô bé. Bởi vì nơi con thuyền giấy có mang theo cả một

sự lên đường đẹp như màu trắng và sắc xanh. Thế rồi mưa xuống, và thuyền chìm. Tôi đứng ngáy người nhìn con sông không còn xanh nữa. Tôi biết Nhung buồn, buồn lắm, bởi vì tôi cũng đang buồn, buồn lắm. Con thuyền giấy là một mộng tưởng của thời thơ ấu.

Càng lớn lên, tôi càng có nhiều mộng tưởng khác, đứng đắn hơn, đẹp đẽ hơn. Và, luôn luôn muốn cho mộng tưởng đẹp thành sự thực đẹp để rồi trên sự thực đẹp đó, nghĩ đến một mộng tưởng khác.

Ôi! Không biết đã bao lần rồi từng niềm vui một của đời tôi bị chìm lỉm đi! Tôi thường nghĩ đến Nhung và thường cầu mong cho đời Nhung được sung sướng. Hạnh phúc của con người xin đừng quá mong manh như con thuyền giấy dưới cơn mưa lũ!

Nhung, nếu mộng tưởng, nếu những điều đẹp đẽ mà một người ôm ấp bị phá phách, bị chà đạp bởi ai khác, thì chúng lại càng trở thành to lớn hơn trong tâm hồn của người đó.

Tôi nghĩ rằng nếu suốt đời một người không bao giờ thực hiện được mộng tưởng đẹp của mình thì người đó sẽ cứ ôm mộng tưởng đẹp ấy cho ấm không gian. Thế cũng đủ rồi. Như chú bé trong *Le Ballon rouge* không bao giờ bỏ cái đẹp mà chú đã tìm được.

Thật ra, con thuyền giấy trong ngày xưa của tôi không bao giờ chìm cả. Con thuyền giấy đó, thỉnh thoảng tôi lại bắt gặp nó trôi nhẹ nhàng trên một con sông tâm tưởng mà bao nhiêu trận mưa gió lớn của cuộc đời đều chỉ là vô nghĩa.

KIÊM MINH

NGUỒN RUNG CẢM TRONG VĂN NGHỆ ẤN ĐỘ

TRẦN THANH HIỆP

*Những kẻ nào nhìn ta qua hình
tướng, nghe ta qua âm thanh,
Những kẻ ấy đang cố sức đi vào lầm lạc.
Sẽ chẳng bao giờ thấy ta.
(Trích Vajracehedika)*

Tôi không phủ nhận rằng vấn đề sắp được bàn tới, có một phạm vi hết sức rộng lớn. Và, một chuyến viễn du, vài cuộc viếng thăm, mấy cuốn sách chưa thể là tất cả sự thật. Nhưng, có một ý nghĩa đòi hỏi nó được trình bày – tất nhiên là không trọn vẹn – trong khuôn khổ mấy trang giấy.

Lịch sử đã đặt vào tay văn nghệ sĩ Việt Nam một cơ hội để họ chứng tỏ chân giá trị không vắng thiếu ở họ. Đó là một công việc nặng nhọc, lý tưởng, mà người ta có thể gọi là một sứ mệnh – danh từ không được dùng như một sáo ngữ – nhằm mục đích chiếu tỏa trong đêm dài đời sống những ánh sáng của sự sống. Không ai lại tin được rằng trách vụ ấy chỉ đòi hỏi những tâm tư vụ lợi, những công thức rung cảm chết hay ít nhiều khái niệm sơ đẳng. Tôi còn nhớ trên một tờ báo hàng ngày, Trọng Lang đã nói (và đã làm) thay cho nhiều người: “Phải nhúng ngòi bút vào máu của mình mà viết”. Máu đây không phải thứ nước mẩn mẩn sắc đỏ tươi chảy ra từ lòng trái tim mà là sản phẩm của nó: sự sống. Như thế, mới có được sự nghiệp đấu tranh, xây dựng văn hóa thật sự và người cầm bút mới chẳng bao giờ tủi nhục hổ thẹn.

Trước những hành động ấy, câu chuyện của tôi dù thô thiển, thiếu sót, vẫn không hẳn là vô dụng. Nhất là nó cũng chỉ được coi như cái thao thức của những người nằm mơ, trần trọc với ác mộng.

Người ta thường lầm lẫn gán cho nghệ thuật một mục đích hết sức tầm thường: “bắt chước” bằng cách ghi chép trung thành sự vật. Đồng thời người ta còn muốn dựa vào quan niệm đó để quy định tiêu chuẩn phê phán giá trị nghệ thuật.

Xét cho kỹ, quan niệm ấy không thể chấp nhận được vì nhiều lẽ. Nếu chỉ cần “chép lại” sự thật thì rõ ràng là đã tốn hơi sức để làm một việc thừa: cảnh, vật, người đầu mà chẳng tìm thấy, hà tất còn phải cần đến sự giúp sức của nghệ thuật? Và chẳng khả năng ghi chép và diễn tả của nghệ thuật không bao giờ đủ tinh tế khả dĩ theo kịp thiên nhiên. Để tìm một thí dụ, có thể liên tưởng đến việc con vẹt nhảy nhót trong chiếc lồng bập bẹ mấy tiếng: “Có khách, có khách!”.

Nhưng tại sao nghệ thuật, như thực tế đã chứng minh, lại có một giá trị đặc biệt như vậy? — Bởi vì nó có một thế giới riêng, thế giới của mỹ cảm không đồng nhất với thực tại mà siêu thực. Chỉ có những bộ óc non nớt, những tay

phủ thủy chính trị mới từ chối không công nhận điều đó.

Lịch sử nghệ thuật của Ấn Độ với những đặc tính của nó đã cống hiến cho lịch sử nghệ thuật nhân loại những trang chói lọi.

Nhìn những tác phẩm trình bày nữ thần Durga với mười cánh tay, thần Siva bốn mặt và thần Brahma năm mặt v. v. người ta không thể không phân vân. Phải chăng đó chỉ là những sản phẩm của óc thần thoại?

Muốn có những giải đáp thỏa đáng cho những nghi vấn về văn hóa Ấn Độ người ta bắt buộc phải bước vào địa hạt của tôn giáo.

Theo học giả Dr. Radhakrishnan, đối với Ấn Độ, tôn giáo không phải chỉ là những lý thuyết về Thượng Đế mà là một thứ tri thức huyền diệu giúp cho con người khám phá tự thân và cộng thông với thần thánh.

Tất cả mọi ngã đường đưa tới văn nghệ Ấn Độ đều đi qua cửa ngõ tôn giáo. Bởi thế văn nghệ sĩ thường có một nguồn rung cảm sâu xa không phải hoàn toàn do kinh nghiệm hay giác quan quyết định. Họ còn phải phiêu diêu trong một cuộc suy tư, tập trung hết tinh thần vào một đối tượng, đồng nhất hóa với đối tượng để “quán tưởng” được đối tượng đó, nghĩa là xếp đặt được một hình ảnh toàn vẹn và linh động của đối tượng trong tâm trí họ. Hình tượng, màu sắc, thanh âm đều theo đó mà được lựa chọn. Tác phẩm sẽ là một biểu thức của một tư tưởng. Nghĩa là họ đi ngược đường những người muốn vật chất hóa tư tưởng. Bởi thế khác với nghệ thuật tạo hình của Hy Lạp vốn là một công trình lý tưởng hóa vẻ đẹp hằng có của con người, nghệ thuật tạo hình Ấn Độ tư tưởng hóa vẻ đẹp ấy trong mối hòa đồng với vũ trụ vạn hữu.

Văn nghệ sĩ Ấn Độ, nhờ có công trình suy tư quán tưởng, muốn bắt gặp được dòng sống nội tại bàng bạc khắp vũ trụ; Nghệ thuật đối với họ không thể là công việc biểu diễn một sự hiện hữu

qua trạng thái tĩnh, bất động. Trong giới hạn của tác phẩm phải có một thứ gì uyển chuyển vượt ra, liên kết với ngoại cảnh. Nền cổ họa của Ấn Độ cung cấp những bằng chứng hết sức rõ rệt. Các họa phẩm tại động Ajapta, miền Nam Ấn càng ngày càng khiến các giới nghệ thuật thế giới phải chú tâm nghiên cứu.

Họa sĩ Ấn Độ cho rằng tinh thần không thể chỉ diễn tả bằng những cử động của các thớ thịt, khớp xương. Thân thể Phật Thích Ca, trước và sau khi đắc đạo dưới gốc cây bồ đề, đứng về phương diện sinh vật học không có gì đổi khác. Nhưng trạng thái tinh thần lúc đó, của một bậc đại giác, hẳn là phải đổi khác. Vì lẽ đó, vai trò của sinh vật học chỉ là phụ thuộc. Khi ta ngắm ảnh chúa Ky Tô hay Phật Thích Ca, ta không chú ý tới bắp thịt, khớp xương mà bị lôi cuốn bằng một thứ toàn thể của một sức sống nội tại. Không thể hiện được sức sống ấy là không có nghệ thuật.

Nghệ thuật không bó buộc văn nghệ sĩ phải chép lại thiên nhiên, mà phải diễn tả những rung

cảm của mình trước thiên nhiên, tái tạo thiên nhiên. Cho nên trong địa hạt văn nghệ, người ta thường công nhận rằng thi ca có nhiều khả năng nghệ thuật nhất. Văn nghệ phẩm có giá trị của Ấn Độ bao giờ cũng được sáng tác theo một quan điểm nghệ thuật như vậy. Thế giới của nghệ thuật Ấn Độ là thế giới của những thứ gì bất tử.

Nói tóm lại, suy tưởng là động lực thúc đẩy sáng tác cho các văn nghệ sĩ Ấn Độ. Và dẫn đạo cho suy tưởng đó là ánh sáng của tôn giáo, đưa dắt văn nghệ sĩ đi phiêu diêu trong vũ trụ, hay là tới những ngõ ngách của tâm hồn mình. Ít khi người ta thấy họ sáng tác bằng một cảm giác đơn thuần. Sức mạnh tinh thần của họ là sức mạnh tinh thần của những nhà tu thiền. Nếu không sợ nói quá sự thật thì có thể cho rằng văn nghệ sĩ Ấn Độ đã đạt tới những giới hạn sâu xa nhất của sức suy tưởng. Tác phẩm của họ bao giờ cũng mang những tính chất của trưởng thành.

Hơn một năm trước đây, một vũ đoàn Ấn Độ đã tới viếng Sài Gòn. Chúng ta không nên

che đây một sự thật: Vũ đoàn ấy không được giới nghệ thuật ở đây hoan nghênh lắm.

Cũng có thể giả định rằng các nghệ sĩ đã không xuất sắc. Nhưng thật sự vũ đoàn ấy đã giới thiệu những nghệ sĩ ưu tú. Nhịp trống tabla, giọng sáo, tiếng đàn Sinh của họ là những thứ quyến rũ và chinh phục. Đôi mắt, bước chân, ngón tay của người múa trang trọng như những cử chỉ của tín đồ bước vào giáo đường. Lời hát tha thiết, kể lể. Tất cả là đường nét, là âm thanh của vũ trụ – họ tin như vậy – mà họ chỉ diễn lại trên khoảng sân khấu bé nhỏ.

Buổi gặp gỡ không nhiều phần thăm đượm. Cũng dễ hiểu. Ý thức văn nghệ của chúng ta đang gặp buổi dao động. Những truyền thống cổ hữu hầu như bị những thế kỷ nội loạn, ngoại xâm chôn vùi. Xu hướng vật chất hóa nghệ thuật tuy mới được du nhập nhưng cũng tác hại không ít. Trước một nền văn nghệ trưởng thành trong sự giáo dưỡng của tôn giáo sao tránh khỏi xa cách bờ ngõ.

Lúc này chúng ta chưa thể bằng lòng về hiện trạng văn nghệ nếu quả thật chúng ta muốn xây dựng một nền văn nghệ đủ giá trị góp mặt với văn nghệ quốc tế. Kiểm điểm lại các tác phẩm: Còn phải sáng tác nhiều!

Nhưng dù chưa xây dựng được một cách tích cực khiến tòa lâu đài văn nghệ của chúng ta ngày một thêm nguy nga tráng lệ, ít nhất cũng có thể góp sức một cách tích cực: Loại bỏ những thứ gì phản bội nghệ thuật. Hay ít nhất, cũng biện biệt được vàng thau.

Như vậy, thiết nghĩ công việc chỉ có thể bắt đầu một cách có hiệu quả nhất bằng chính các văn nghệ sĩ. Một nguồn rung cảm mãnh liệt, chân thành, đó là điều kiện thiết yếu để văn nghệ sĩ tự bênh vực. Những công thức, những thương vay khóc mượn không bao giờ giúp ai đạt tới tầng sâu kín của đối tượng.

Một thực tại xã hội như hiện tại, phải cần có nỗi đau xót của Nguyễn Du vọng lên những tiếng kêu đứt ruột, mới phơi bày được ra trước

ánh sáng. Công việc cải tạo nó, sẽ đến sau. Văn hóa của Ấn Độ quen thuộc với chúng ta từ những ngày xa xăm của lịch sử. Nó không thay thế nhưng trợ lực và bổ túc cho văn hóa của chúng ta.

Bàn đến vấn đề rung cảm trong văn nghệ Ấn Độ là muốn nhắc nhở đến nguồn rung cảm trong văn nghệ chúng ta.

Khi nào mọi người sáng tác cũng như mọi người thưởng ngoạn đều chung một quan điểm theo đó nghệ thuật không bao giờ dung thứ những gì tầm thường, giả tạo, chúng ta có thể tin rằng lịch sử nghệ thuật của chúng ta được ghi thêm những nét son.

Trong khi chờ đợi, thái độ của văn nghệ sĩ Ấn Độ vẫn đáng để chúng ta lưu tâm. Dĩ nhiên thế giới của họ sẽ không là thế giới bắt buộc của chúng ta, nhưng phương tiện của họ có lẽ không hẳn vô dụng đối với những ai không muốn phản bội nghệ thuật.

TRẦN THANH HIỆP

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

Bài của Nguyễn Đông – Quan Sơn

Trường Giang – Hầu Anh

XUỞNG KỊCH của NHỮNG NGƯỜI YÊU KỊCH

 rước tình trạng gần như “yên ngủ” của sân khấu mới hiện nay, bất cứ một dự định hoạt động nào, dù ở trong phạm vi chương trình kế hoạch cũng đáng được chúng ta chú ý và khuyến khích. Kế hoạch thành lập xưởng kịch của Trần Lê Nguyễn với tính cách đại quy mô và thực tế của nó, có thể làm một mở đầu tốt đẹp cho sự cộng tác của tất cả mọi người thiết tha với kịch. Bản kế hoạch này chia làm ba phần: 1) Phần tổ chức với sự minh định nhiệm vụ của những người phụ trách, nghệ thuật và tài chính. 2) Phần

điều kiện cộng tác, đề cập tới những người ở ngoài với những nguyên tắc căn bản tối thiểu.

3) Phần chương trình hoạt động, phân chia làm ba giai đoạn thực hiện. Hiện nay T.L.N. với bản kế hoạch của anh, đang ra sức tiếp xúc với các bạn hữu có khả năng và nhiệt tâm trong bộ môn kịch đồng thời anh cũng đang cố gắng giải quyết vấn đề tài chính và sưu tầm những kịch bản giá trị. Trở lực nhiều và lớn lao. Tổ chức kịch lại là một tổ chức hoàn toàn tập thể, một người hay vài người không đi tới được một kết quả nào. Chúng ta mong rằng sự hưởng ứng của những người tha thiết với sân khấu sẽ đông đảo, trước sáng kiến của T.L.N. Vì sân khấu mới không thể kéo dài tình trạng hoang vắng hiện tại. Với sự giúp đỡ của các cơ quan đoàn thể, với sự hợp tác của mọi người yêu kịch, dựa trên một kế hoạch được dự thảo khoa học, đầy đủ, dù trở lực đến đâu, việc tổ chức trình diễn những vở kịch mới cũng không phải là một ảo tưởng.

NGUYỄN ĐĂNG

THÊM MỘT Ý KIẾN VỀ CUỐN VĂN HỌC VIỆT NAM THỜI LÝ của LÊ VĂN SIÊU

Đọc văn học Việt Nam thời Lý của ông Lê Văn Siêu trang 44, trong bài thơ của Trương Tích tạng Nhật Nam tặng có câu:

Phiên kinh thượng tiêu diệp.

Quả nạp lạc đăng hoa.

Thượng tọa Mật Thể dịch là:

Lá chuối biên kinh cũ

Bóng mây rụng áo dài.

Lời chú thích số 4 cùng trang, ông Lê Văn Siêu giải thích câu « Lá chuối biên kinh cũ » như sau:

“Nghĩa là nhìn vào tàu lá thấy lời kinh Phật, hay đọc được lời kinh qua tàu lá ấy. Tức là nhà sư thấm nhập làm một với thiên nhiên”.

Lời chú số 7 ông Lê ghi thêm:

“Nguyễn Đồng Chi và sau đó Hồ Hữu Tường hiểu là thời ấy sư không có giấy nên chép kinh lên lá chuối. Sự hiểu hình thức ấy thực là ngây ngô và làm giảm giá trị của thơ vậy”.

Riêng về phần tôi, năm ngoài có qua đảo Tích Lan thăm chùa Mawattale Maha Vihara ở tỉnh Kandy và vị tối cao Pháp chủ tăng già Tích Lan tu ở chùa đó. Khi vào thăm viện bảo tàng của ngôi chùa cổ kính này chúng tôi được xem nhiều kỷ vật nào là bình bát mà vua Thái Lan biếu các vị tăng để khát thực, nào cái quạt của Đức tối cao Pháp chủ đã quá cố... Tôi có để ý tới một tập gì màu vàng úa như lá chuối khô đóng gáy gỗ. Hỏi ra mới biết đó là những kinh tạng cũ viết trên là gôi.

Tối thiết nghĩ ngay từ thời Lý đã có những vị cao tăng Việt Nam hoặc qua ở hản Tích Lan rồi chết ở đó (như Huệ Diện pháp sư) hoặc tới đảo Tích Lan rồi qua Tây Ấn (như Khuy Sung pháp sư) vậy việc kinh tạng viết trên là gôi hản cũng là

một sự thường được phổ biến, Câu: “phiên kinh thượng tiêu điệp” (lá chuối biên kinh cũ) rất có thể hiểu theo hình thức là vậy, chứ không phải hiểu theo nghĩa bóng như ông Lê đã giải thích ở lời chú số 4.

Tôi chỉ thuật lại một sự đã được thật mục sở thị và nêu ý kiến này lên để tất cả chúng ta cùng tìm sự thực. Có thể là ông Nguyễn Đồng Chi và ông Hồ Hữu Tường có lý. Và hiểu như vậy, tôi thấy cũng không làm giảm giá trị câu thơ đi chút nào. Trái lại cách hiểu theo nghĩa bóng của ông Lê có khi cầu kỳ quá.

Tôi viết những dòng trên đây để thành thực đáp lại “Đôi lời cuối cùng” của tác giả họ Lê ở phần cuối sách (trang 130–140) để ông tham khảo thêm khi cho in lại sách.

QUAN SƠN

KHAI MẠC XƯỞNG HỌA TÚ DUYÊN

 ới thiện chí phát huy ngành thủ ấn họa nước nhà. Họa sĩ Tú Duyên đã mở một xưởng vẽ tại đường Nguyễn Công Trứ, số nhà 161. Tháng 7 vừa qua họa sĩ đã có nhã ý mời một số nhân vật tại Thủ Đô tới dự tiệc trà để khai mạc và đồng thời thưởng thức những họa phẩm mới nhất của ông.

Họa sĩ Tú Duyên hiện nay là người độc nhất chuyên về lối thủ ấn họa, tức là làm mộc bản in trên lụa. Cách vẽ, màu sắc cũng như đề tài, ông thiên nhiều về dân tộc tính Việt Nam.

Theo lời họa sĩ thì chừng cuối năm nay ông sẽ trưng bày một loạt tác phẩm về tục ngữ và ca dao. Hy vọng họa sĩ Tú Duyên sẽ thành công trong ngành này.

TRIỂN LÃM TRANH THUỐC NƯỚC và BỘT MÀU của bà WAINRIGHT

Tại hội quán Pháp quốc đồng minh – 22 đường Gia Long Sài Gòn – cũng có một cuộc triển lãm về tranh vẽ. Nữ họa sĩ là một tài tử chứ không phải chuyên nghiệp trong nghề.

Đa số tranh là phong cảnh về các nước ở Châu Á, một số nữa về chân dung (Mọi, Ấn Độ v. v..) kỹ thuật của bà Wainright cũng giản dị. Thiên về trang trí, tranh của bà cũng gợi cảm ở những màu sắc chọn lọc tuy nhiên nhiều khi chưa được thành thạo lắm nên còn có chỗ hơi sượng.

Bà Wainright thành công về phong cảnh hơn là những tấm chân dung. Tranh vẽ mặt người của bà tuy đúng về hình họa nhưng khô khan ở lối diễn tả, hơn nữa lại nghèo về màu sắc.

Những họa phẩm vẽ cảnh mà thêm nhân vật cũng mắc phải lỗi này. Người của bà thiếu linh động vì thế làm hại rất nhiều đến toàn thể bức tranh.

Nhưng đối với một nữ họa sĩ nhất là chỉ vẽ khi thấy thích vẽ thì đã là một điều đáng khen nhiều. Nhìn theo quan điểm đó thì tranh bà Wainright cũng không tồi.

TRƯỜNG GIANG

CON BỌ HUNG VÀNG TRUYỆN CỦA EDGAR POE

Bản dịch của Hoàng Lan –
Nhà xuất bản Như Nguyễn.

Thi sĩ Edgar Poe là một nhà thơ kiêm tiểu thuyết gia kỳ tài của Mỹ quốc vào thế kỷ 19. Truyện của ông đều phảng phất một không khí quái đản, dẫn dắt người xem vào địa hạt siêu hình học của sự hãi.

Tập Con Bọ Hung Vàng gồm 13 truyện ngắn của thi sĩ. Tất cả đều ly kỳ. Có thể kể những đầu đề sau đây: Một vụ báo thù ghê gớm, Con mèo đen, Chiếc mặt nạ của xích tử thần, Giọt máu cuối cùng của dòng họ U-se.

Bằng một hơi văn hấp dẫn Edgar Poe dẫn ta đi vào thế giới của sự chết một cách khoa học, và sự độc đáo của Poe còn ở chỗ tự nhiên, tưởng

170 | Sáng Tạo số 11 _ 8.1957

như chính ông đang kể những chuyện ông đã sống hoặc đã thấy rồi vậy.

Bản dịch của Hoàng Lan cũng khá lưu loát. Tuy một vài chỗ còn vấp phải đôi chút lúng túng của văn thể nhưng cũng đủ giới thiệu với độc giả những mẫu chuyện đặc biệt nhất của Edgar Poe, nhà tiểu thuyết tiên phong trong ngành này.

NGHỆ THUẬT NHIẾP ẢNH

NGUYỄN MẠNH DÂN

Với non một trăm tấm ảnh chụp trưng bày ở hội quán Pháp quốc đồng minh, ông Nguyễn Mạnh Dân đã nói lên một cách đầy đủ về kỹ thuật nhiếp ảnh. Rất nhiều tấm ảnh chụp rất công phu, không những là sự cất công đi theo đề tài mà ở cả chỗ phải chờ đợi thế nào cho đúng lúc để chụp — Một tấm lưới vung lên trong tay một người thợ chài một buổi sớm, những cánh vỗ của bầy chim. Một “cử động” nào đó của thiên nhiên chỉ thoáng qua trong giây lát. Nắm được yếu điểm đó nhà nhiếp ảnh đã thành công một phần nào trong vấn đề sử dụng kỹ thuật. Lối bố trí để làm sao gây cho người xem cái xúc cảm trước cảnh vật cùng là cách lấy ánh sáng, cách “nhìn” bằng ống ảnh, ông Nguyễn Mạnh Dân đã thu nhiều kết quả với những tấm hình của ông. Có thể kể vai tấm chân dung cùng phong cảnh.

Theo tôi, ông Nguyễn Mạnh Dân thành công trong địa hạt này. Cũng tương đối ở nước ta, các nhiếp ảnh gia đã gây được khá nhiều thành tích. Nghệ thuật nhiếp ảnh hiện thời kể ra đã bước một bước dài so sánh với các bộ môn nghệ thuật khác.

HẦU ANH

